

Số: /BC-TKT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2026

Những tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; áp lực lạm phát, biến động giá nguyên vật liệu, cùng với những yếu tố bất định từ thị trường tài chính và thương mại quốc tế đã tác động đa chiều đến nền kinh tế trong nước. Trong bối cảnh đó, Thành phố Hà Nội đã chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Trung ương, tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và đảm bảo các cân đối lớn. Kết quả thực hiện 5 tháng đầu năm 2026, nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành và nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của Thủ đô tiếp tục duy trì ổn định, nhiều lĩnh vực có chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được đảm bảo, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn tiềm ẩn những khó khăn, thách thức, đòi hỏi cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến tình hình và kịp thời có các giải pháp điều hành phù hợp trong thời gian tới.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Trong tháng các địa phương tập trung chủ yếu vào chăm sóc, chuẩn bị công tác thu hoạch lúa và cây màu vụ Xuân; chăm sóc phát triển đàn gia súc, gia cầm. Tính đến 20/5/2026, toàn Thành phố gieo trồng được 78,5 nghìn ha lúa vụ Xuân¹, bằng 98,5% vụ Xuân năm trước (đạt 100,8% kế hoạch sản xuất); 2.975 ha ngô, bằng 93,3%; 217 ha khoai lang, tăng 8,0%; 176 ha đậu tương, tăng 6,7%; 1.283 ha lạc, tăng 0,2%; 10,1 nghìn ha rau, bằng 99,3%; 174 ha đậu, bằng 92,1%. Hiện cây lúa tập trung giai đoạn uốn câu - chín sấp; trà lúa sớm đang giai đoạn chín - thu hoạch. Diễn biến thời tiết nông vụ trong tháng trên địa bàn có thời điểm xảy ra nắng nóng, nhưng nhìn chung là thuận lợi cho lúa và cây rau màu sinh trưởng và phát triển tốt. Tiến độ thu hoạch một số cây trồng chính: Diện tích thu hoạch lúa Xuân ước đạt 8.050 ha, gấp 8,7 lần cùng kỳ (do lúa Xuân năm nay gieo trồng sớm); ngô 1.460 ha, bằng 98,5%; rau các loại 7.500 ha, bằng 93,0%.

¹ Diện tích gieo trồng lúa xuân năm nay giảm 1.176 ha chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp và chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả sang các hình thức hiệu quả hơn như: đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản...

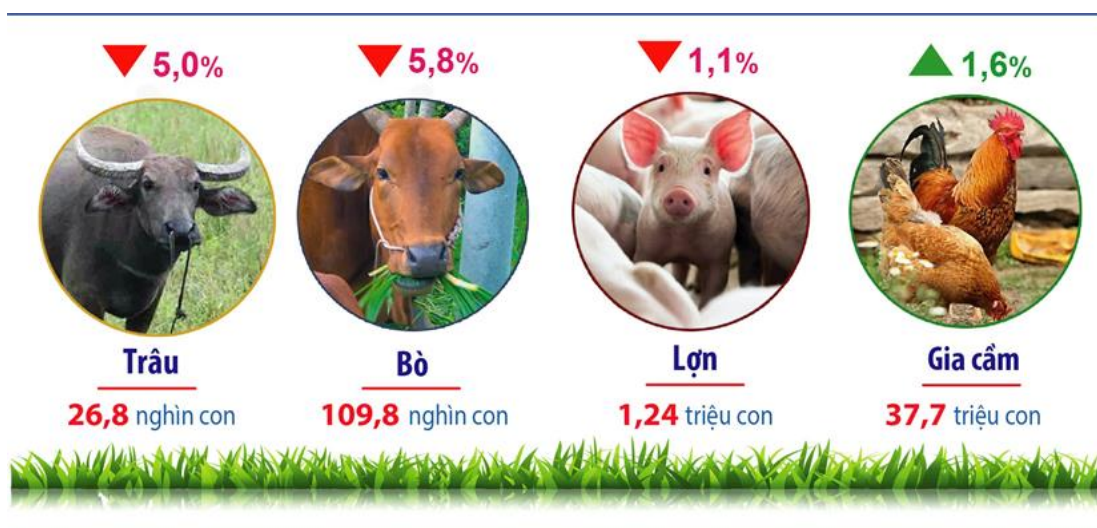
Tính chung vụ Đông Xuân năm nay, toàn Thành phố ước tính gieo trồng được 125,6 nghìn ha cây hàng năm, bằng 99,1% vụ Đông Xuân năm trước. Trong đó: Lúa 78,5 nghìn ha, bằng 98,1%; ngô 7.612 ha, bằng 93,2%; khoai lang 1.089 ha, tăng 0,2%; đậu tương 895 ha, bằng 93,7%; lạc 1.503 ha, tăng 2,4%; rau các loại 23,8 nghìn ha, bằng 96,1%; đậu các loại 238 ha, tăng 5,3%.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong tháng phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, tuy nhiên đang vào thời điểm nắng nóng nên các hộ chăn nuôi duy trì chăm sóc số lượng đàn hiện có, không đẩy mạnh phát triển. Đàn trâu có 26,8 nghìn con, giảm 5,0% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 109,8 nghìn con, giảm 5,8%; đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) 1.244 nghìn con, giảm 1,1%; đàn gia cầm 37,7 triệu con, tăng 1,6% (đàn gà 28,4 triệu con, tăng 1,7%).

Tình hình dịch bệnh: Trong tháng 5/2026, bệnh Dịch tả lợn châu Phi ghi nhận tại 02 hộ chăn nuôi trên địa bàn 02 thôn thuộc xã Liên Minh. Tổng số lợn tiêu hủy 533 con, trọng lượng tiêu hủy 23 con tương đương 857 kg thịt của xã Liên Minh, 510 con tại xã Quảng Oai của trang trại công ty CJ, không cân xác định trọng lượng. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, dịch tả lợn châu Phi xuất hiện tại 20 hộ trên địa bàn 17 thôn thuộc 10 xã (Dương Hòa, Quảng Oai, Đa Phúc, Hát Môn, Phúc Lộc, Yên Xuân, Ô Diên, Sơn Đồng, Đoài Phương và Liên Minh); tổng số lợn tiêu hủy 2.603 con, tương đương 79,8 tấn thịt. Hiện nay, ổ Dịch tả lợn châu Phi trên địa bàn Thành phố đã qua 21 ngày từ ngày 13/5/2026.

Số lượng gia súc, gia cầm có đến cuối tháng Năm năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào công tác chăm sóc và bảo vệ rừng; thu hoạch gỗ và lâm sản. Trong tháng Năm, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.587 m³, giảm 5,0% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng đầu năm

nay diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 84 ha, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ đạt 7.734 m³, giảm 5,0%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán 358 nghìn cây, giảm 5,3%. Cũng trong tháng Năm trên địa bàn không xảy ra cháy gây thiệt hại về rừng. Tính chung 5 tháng đầu năm trên địa bàn xảy ra 01 vụ cháy rừng với diện tích bị cháy 0,2 ha, các vụ cháy rừng được phát hiện và triển khai lực lượng dập tắt kịp thời. Diện tích rừng bị cháy chủ yếu cháy thảm thực bì, cây bụi không ảnh hưởng lớn đến tài nguyên rừng.

Sản xuất thủy sản trong tháng trên địa bàn phát triển ổn định, diễn biến thời tiết tương đối thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng thủy sản. Diện tích thả nuôi trong tháng ước đạt 1.700 ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2025; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 11,6 nghìn tấn (chủ yếu là sản lượng cá), tăng 4,4%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 123 tấn, giảm 0,8%. Tính chung 5 tháng đầu năm, diện tích thả nuôi ước đạt 20 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 51,8 nghìn tấn, tăng 4,4%. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 51,3 nghìn tấn (chủ yếu là sản lượng cá), tăng 4,4%; thủy sản khai thác 495 tấn, tăng 1,0%.

2. Sản xuất công nghiệp

Trong tháng Năm, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố tiếp tục tăng trưởng khá, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 7,9% so với tháng trước và tăng 8,9% so với tháng 5/2025. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 chỉ số IIP tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Ngành công nghiệp khai khoáng: Tháng 5/2026 giảm 2,7% so với tháng trước, so với tháng 5/2025 chỉ số IIP ngành công nghiệp khai khoáng tăng 6,1%; tính chung 5 tháng đầu năm 2026, IIP tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2025.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng khu vực công nghiệp toàn Thành phố. Chỉ số IIP tháng 5/2026 tăng 8,0% so với tháng trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số tăng cao như: Sản xuất thiết bị điện (+68,5%); sản xuất da và các sản phẩm từ da (+36,1); in, sao chụp bản ghi (+20,0%); sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị (+17,0%); sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+13,4%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (+12,0%). Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm như: Sản xuất máy móc thiết bị (-8,8%); dệt (-7,0%); sản xuất chế biến thực phẩm (-5,5%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-5,3%); sản xuất xe có động cơ (-3,9%); sản xuất phương tiện vận tải khác (-3,5%); sản xuất đồ uống (-2,1%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-0,4%).

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 5/2026 tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm nay, IIP tăng 8,8%

so với 5 tháng năm trước, trong đó: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+17,0%); sản xuất kim loại (+16,7%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+15,5%); sản xuất đồ uống (+12,5%); sản xuất thiết bị điện (+12,4%); sản xuất xe có động cơ (+12,2%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+12,0%)... Riêng sản xuất giường, tủ, bàn ghế (-0,4%) do có sự chuyển dịch nhà máy từ Hà Nội sang tỉnh khác.

Tóm lại, mặc dù chỉ số sản xuất IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Hà Nội tăng 8,8% so với cùng kỳ nhưng để đạt được mục tiêu tăng trưởng khu vực công nghiệp năm 2026 tăng 9,7% là điều rất khó, xuất phát từ các nguyên nhân chính sau: (1) Chi phí đầu vào tăng cao do giá năng lượng, nguyên vật liệu và logistics có nhiều biến động làm tăng chi phí sản xuất, giảm biên lợi nhuận, khiến doanh nghiệp không mạnh dạn mở rộng sản xuất. (2) Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu khi kim ngạch nhập khẩu 5 tháng đầu năm tăng tới 40,9%, cao hơn nhiều so với xuất khẩu (+3,9%), điều này cho thấy ngành chế biến, chế tạo phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu nên dễ bị ảnh hưởng bởi biến động khách quan bên ngoài, đứt gãy chuỗi cung ứng. (3) Cầu thị trường chưa thực sự bứt phá dù tiêu dùng tăng (bán lẻ +13%), nhưng vẫn tập trung ở một số nhóm hàng; chưa tạo cú hích mạnh cho toàn bộ ngành sản xuất. (4) Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp chưa mạnh, tăng trưởng tập trung vào một số ngành (điện tử, kim loại, cao su, thiết bị điện tăng 12–17%), trong khi nhiều ngành khác tăng thấp hoặc không ổn định. Bên cạnh đó, Hà Nội vẫn thiếu các ngành công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn đóng vai trò dẫn dắt.

Ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí: Chỉ số sản xuất tháng 5/2026 tăng 8,5% so với tháng trước và tăng 8,4% so với tháng 5/2025; tính chung 5 tháng đầu năm nay chỉ số IIP tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước. Thời tiết năm nay với những dự báo siêu El Nino sẽ diễn biến rất phức tạp, có khả năng hạn hán làm giảm nguồn cung từ thủy điện, kèm theo việc chuyển đổi từ các phương tiện chạy xăng, dầu sang chạy điện càng làm tăng áp lực mạnh mẽ lên ngành điện Hà Nội. Dự kiến nhu cầu sử dụng điện sẽ tiếp tục tăng cao trong những tháng tiếp theo.

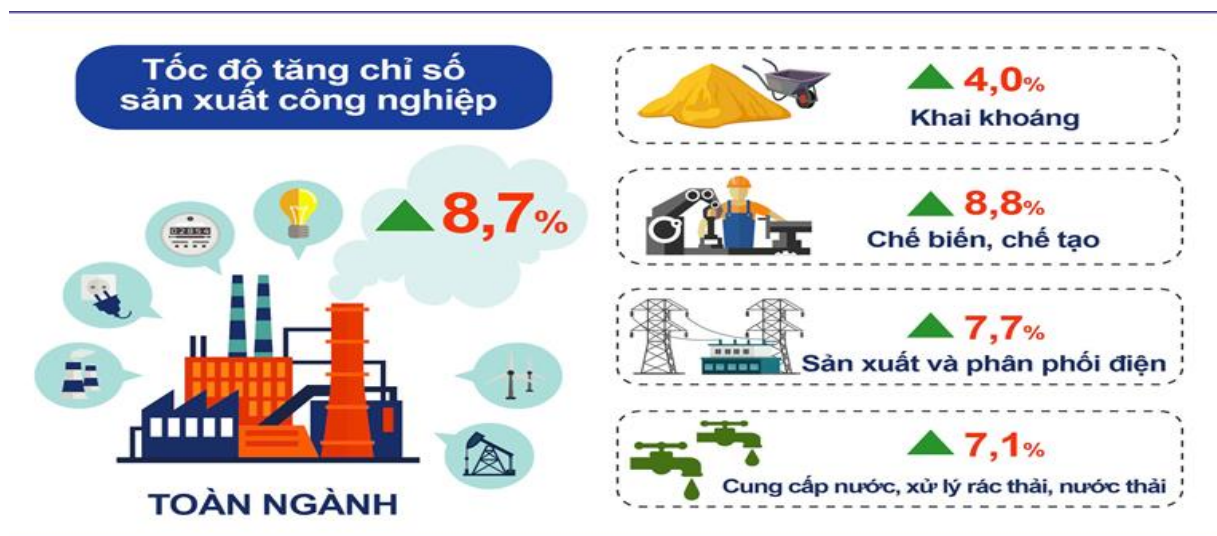
Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải: Chỉ số sản xuất tháng 5/2026 tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 6,5% so với tháng 5/2025; chỉ số cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026 tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2025. Hoạt động cung cấp nước và hoạt động xử lý rác, nước thải diễn ra thường xuyên, liên tục đảm bảo lưu thông được thông suốt, vận hành 24/24 giờ giúp cho việc bảo vệ môi trường; an toàn cho sản xuất. Bên cạnh đó, các nhà máy xử lý rác thải đang được nâng công suất xử lý rác thải nhằm đáp ứng lượng rác thải đô thị ngày càng nhiều.

Tình hình sử dụng lao động tại các doanh nghiệp: Chỉ số sử dụng lao động trong doanh nghiệp tháng 5/2026 tăng 0,5% so với tháng trước và tương đương cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số sử dụng lao động giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2025, nguyên nhân do một số công ty có số lao động lớn dịch chuyển một phần sang nhà máy chi nhánh ở tỉnh khác.

Lao động chia theo khu vực: Doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 0,2% so với tháng trước, giảm 3,4% so với cùng kỳ; tính chung 5 tháng đầu năm 2026 giảm 3,0% so với cùng kỳ năm 2025; khu vực doanh nghiệp nhà nước (+0,3%, +2,1% và +1,5%); khu vực doanh nghiệp FDI (+0,7%, +1,7% và +0,7%). Một số ngành có chỉ số lao động cộng dồn 5 tháng tăng cao so với 5 cùng kỳ là sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (+29,2%), sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+9,9%); sản xuất thiết bị điện (+6,9%); sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+6,5%); sản xuất máy móc, thiết bị khác (+6,2%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+5,7%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



3. Thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

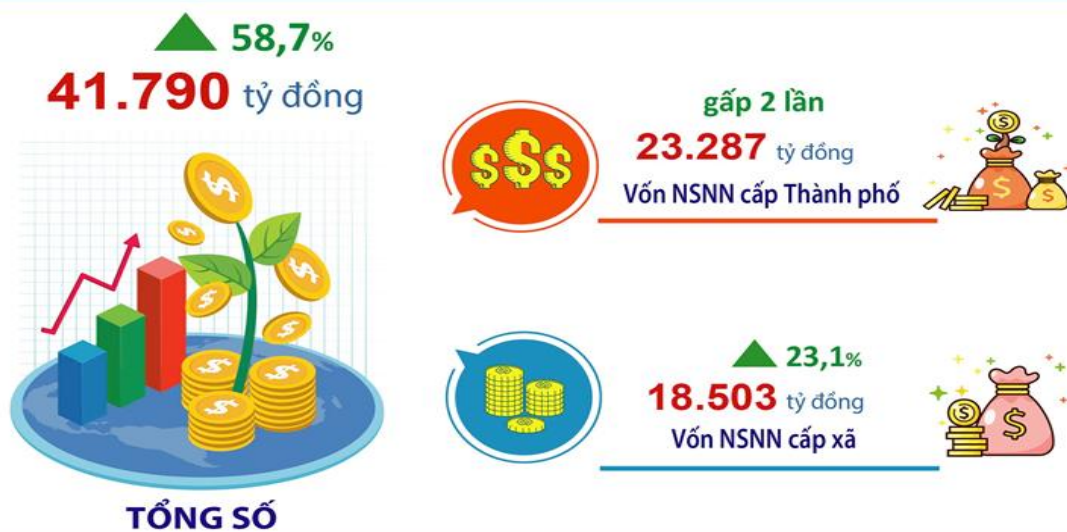
Tiếp tục bám sát quan điểm lấy đầu tư công làm nguồn lực dẫn dắt, giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng và kích cầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong tháng 5/2026, Hà Nội đã chỉ đạo quyết liệt các chủ đầu tư và nhà thầu bứt tốc thi công, đẩy mạnh tiến độ giải ngân tại các công trình hạ tầng chiến lược, đồng thời tranh thủ tối đa quỹ thời gian trước khi bước vào cao điểm mùa mưa để đẩy nhanh việc hoàn thành mục tiêu 6 tháng đầu năm. Nhờ áp dụng hiệu quả mô hình quản lý hành chính hai cấp, công tác chuẩn bị đầu tư và giải phóng mặt bằng đã có sự chuyển biến rõ nét, việc tinh giản các khâu xét duyệt trung gian giúp đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ, trực tiếp tháo gỡ khó khăn cho các nhà

thầu và ban quản lý dự án ngay tại cơ sở. Khối lượng thực hiện và tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách Nhà nước duy trì đà tăng trưởng tốt, qua đó tạo tín hiệu tích cực để huy động thêm các nguồn lực từ khu vực tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đóng góp trực tiếp vào mục tiêu phát triển kinh tế chung của Thủ đô trong quý II.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý tháng 5/2026 ước tính đạt 11.110 tỷ đồng, tăng 16,5% so với tháng trước và tăng 73,8% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: NSNN cấp Thành phố thực hiện 6.344 tỷ đồng, tăng 20,4% và gấp 2,1 lần cùng kỳ; NSNN cấp xã 4.766 tỷ đồng, tăng 11,6% và tăng 39,6%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư từ NSNN do địa phương quản lý ước thực hiện 41.790 tỷ đồng, tăng 58,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt 33,2% kế hoạch năm 2026, trong đó: NSNN cấp Thành phố thực hiện 23.287 tỷ đồng, gấp 2,0 lần và đạt 34,6%; NSNN cấp xã 18.503 tỷ đồng, tăng 23,1% và đạt 31,5%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Để hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng, trọng tâm điều hành của Thành phố trong quý II và những tháng cuối năm tiếp tục hướng tới việc tháo gỡ triệt để rào cản về thủ tục pháp lý, bồi thường và giải phóng mặt bằng. Nổi bật trong tháng Năm là việc Hà Nội đã tập trung xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, đồng thời khẩn trương bàn giao mặt bằng sạch tại các công trình hạ tầng cốt lõi như dự án cầu Trần Hưng Đạo, Vành đai 2,5 và Vành đai 3,5. Việc tháo gỡ hiệu quả điểm nghẽn tại cơ sở đã trực tiếp đẩy nhanh quá trình chuyển hóa nguồn vốn thành khối lượng thi công thực tế, tạo tiền đề quan trọng để Thành phố chính thức khởi công các dự án quy mô lớn ngay trong tháng, điển hình như dự án Trục không gian quốc lộ 1A; Nhà máy xử lý môi trường và phát điện công nghệ cao Núi Thong. Bên cạnh đó, công tác quản trị dòng vốn đầu tư công tiếp

tục được chuẩn hóa thông qua việc cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu và yêu cầu lượng hóa lộ trình giải ngân chi tiết đến từng dự án. Sự đồng bộ, quyết liệt trong khâu thực thi xuyên suốt từ Thành phố đến trực tiếp các xã, phường không chỉ tối ưu hóa năng lực hấp thụ vốn ngân sách của nền kinh tế mà còn khơi thông nguồn lực đất đai, bảo đảm gia tốc tăng trưởng bền vững cho Hà Nội trong năm 2026.

Trong tháng Năm và lũy kế 5 tháng đầu năm 2026, đầu tư công tiếp tục khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng chủ đạo của nền kinh tế Thủ đô. Tận dụng tối đa quỹ thời gian trước khi khu vực phía Bắc bước vào cao điểm mùa mưa, Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt các chủ đầu tư, ban quản lý dự án huy động tối đa nhân lực, vật lực để đẩy nhanh tiến độ thi công, khẩn trương chuyển hóa vốn ngân sách Nhà nước thành khối lượng thực hiện thực tế trên công trường. Trọng tâm giải ngân tiếp tục được định hướng trực tiếp vào các công trình hạ tầng giao thông chiến lược và đô thị quy mô lớn. Việc tập trung nguồn lực này không chỉ bảo đảm duy trì đà bứt phá về năng lực hấp thụ vốn trên địa bàn Thành phố, mà còn trực tiếp đóng góp vào mục tiêu hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng GRDP trong quý II.

Để tối ưu hóa tiến độ giải ngân và chủ động nhận diện rủi ro, chiến lược quản trị vốn trong tháng Năm tiếp tục được giám sát chặt chẽ thông qua yêu cầu lượng hóa chi tiết lộ trình thi công và luân chuyển vốn theo từng tháng đối với từng dự án. Đột phá lớn nhất trong công tác điều hành thời gian qua là sự phối hợp đồng bộ, quyết liệt giữa Thành phố và hệ thống chính quyền cấp xã nhằm giải quyết triệt để "nút thắt" bồi thường, giải phóng mặt bằng. Bằng việc vận dụng linh hoạt Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND của Thành phố, quy trình pháp lý tại cơ sở đã được rút gọn đáng kể; tiêu biểu là việc áp dụng cơ chế thu hồi đất trước khi phê duyệt phương án bồi thường và phương pháp định giá tiệm cận thực tế thị trường. Những bước tiến về mặt thể chế này đã giúp giảm thiểu độ trễ trong khâu chuẩn bị đầu tư, tạo hành lang pháp lý thông suốt để các nguồn vốn nhanh chóng phát huy hiệu quả trong nền kinh tế, qua đó kích thích tổng cầu và duy trì đà tăng trưởng bền vững.

Tình hình một số dự án trên địa bàn thành phố:

Hạ tầng giao thông trọng điểm

Nhóm dự án cơ bản hoàn thành GPMB: Dự án Vành đai 1 (Hoàng Cầu – Voi Phục) đã cơ bản bàn giao xong mặt bằng, hoàn thành phá dỡ, di chuyển cây xanh, chuyển mạnh sang thi công cao điểm, tạo chuyển biến rõ rệt về tiến độ. Nút giao Phạm Tu - đường 70, là dự án "nút thắt" được Thành phố chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu 3 phường liên quan bàn giao mặt bằng sạch trong quý II/2026.

Đường Vành đai 2,5 liên quan đến các đoạn qua khu đô thị mới Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ đang được các quận đẩy nhanh bàn giao mặt bằng. Dự án đường 70 và Quốc lộ 21B, Chủ tịch UBND TP yêu cầu đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành GPMB, đặc biệt là các hạng mục cầu vượt, để đảm bảo tiến độ chung. Các dự án chống ngập cấp bách cũng đang gấp rút GPMB để thi công, chuẩn bị trước mùa mưa 2026. Ngoài ra, các dự án trọng điểm khác như đường Tây Thăng Long, QL21 đoạn nối cao tốc Hà Nội - Hòa Bình đang trong quá trình hoàn thiện các khâu GPMB cuối cùng.

Nhóm vành đai - trục hướng tâm: Vành đai 2,5; đường 3,5; cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đã hoàn thành nhiều khâu chuẩn bị GPMB, từng bước bàn giao mặt bằng để thi công; tuy nhiên khối lượng GPMB còn lớn, phân tán nhiều địa bàn, tồn tại vướng mắc về đất ở, đất nông nghiệp, mộ chí, công trình tôn giáo.

Nhóm 07 dự án cầu vượt sông Hồng (trọng tâm hiện nay): Các dự án Tứ Liên, Trần Hưng Đạo, Ngọc Hồi, Thượng Cát, Vân Phúc, Hồng Hà, Mễ Sở đã giải ngân cao, thi công mạnh, song phụ thuộc quyết định vào tiến độ GPMB. Theo đó: Cầu Tứ Liên đã bàn giao khoảng 39,1/62,5 ha, giải ngân 100% kế hoạch; Cầu Ngọc Hồi giải ngân 100% vốn năm 2025 (khoảng 2.946 tỷ đồng), phía Hà Nội cơ bản xong GPMB và nhiều dự án khác đạt trên 70% diện tích GPMB. Dự kiến toàn bộ 07 dự án sẽ hoàn thành trong quý II/2027, trước ngày khai mạc Hội nghị Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC 2027).

Dự án Vành đai 4 – Vùng Thủ đô: Công tác GPMB cơ bản hoàn thành; 13/13 khu tái định cư đã xây dựng xong; đường song hành đã thi công khoảng 35/50,8 km (tương đương 85%), tạo nền tảng vững cho thi công đồng loạt. Đến nay, công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng đã chuyển trọng tâm từ khâu hoàn thiện thủ tục pháp lý sang giai đoạn trực tiếp bàn giao quỹ đất. Việc khơi thông kịp thời các mặt bằng sạch đã giải phóng tối đa năng lực thi công của nhà thầu, tạo không gian thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ xây dựng đồng loạt trên công trường. Trong những tháng tiếp theo, định hướng phân bổ nguồn lực sẽ ưu tiên tối đa cho việc mở rộng không gian tại các công trình hạ tầng kết nối chiến lược, tiêu biểu như hệ thống cầu vượt sông Hồng, các vành đai kinh tế và mạng lưới quốc lộ huyết mạch. Đặc biệt, tiến độ cung cấp mặt bằng nay được lượng hóa thành bộ chỉ số đo lường hiệu quả (KPI) trực tiếp, tích hợp chặt chẽ với lộ trình hấp thụ vốn. Việc áp dụng bộ chỉ số này không chỉ bảo đảm dòng chảy liên tục của dự án mà còn cấu thành thước đo cốt lõi nhằm cá thể hóa trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các đơn vị.

Dự án khu đô thị và bất động sản: Ngoài các dự án giao thông, Hà Nội đang thúc đẩy triển khai nhiều dự án chiến lược theo Nghị quyết số 258/2015/QH15 như: Khu đô thị thể thao Quốc tế Hà Nội; trục đại lộ cảnh quan

sông Hồng; khu đô thị đa mục tiêu tại các xã Thu Lâm và Đông Anh; dự án tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô và dự án trục không gian quốc lộ 1A. Đây được xem là những dự án có vai trò mở rộng không gian phát triển, tái thiết đô thị và hình thành các cực tăng trưởng mới của Thủ đô trong thời gian tới.

Khu đô thị đa mục tiêu: Trong quý I/2026, thành phố đã khởi công hai khu đô thị đa mục tiêu với tổng diện tích lên tới 1.400 hecta, mở ra nguồn cung nhà ở tương lai khổng lồ cho Thủ đô.

Dự án Lumi Hà Nội: Công tác thi công tại đại dự án phía Tây này đang diễn ra thần tốc, công tác giải phóng mặt bằng phần kết nối hạ tầng xung quanh dự kiến hoàn tất vào cuối tháng 6/2026.

Dự án môi trường và dân sinh

Hồ điều hòa Phú Đô (Từ Liêm): Có diện tích mặt nước 31,5ha; diện tích ô đất xây dựng hồ khoảng 36,76ha; kè bao quanh hồ dài khoảng 2.684m, với 2 tuyến cống hộp điều tiết nước vào và ra; 1 tuyến cống hộp kết nối từ hồ ra sông Nhuê được lắp đặt 2 máy bơm dã chiến; 1 cửa điều tiết chờ kết nối với đường Nguyễn Văn Giáp về trạm bơm Đồng Bông. Đường dạo quanh hồ rộng 3m, có hệ thống lan can, điện chiếu sáng, cây xanh, thảm cỏ xung quanh. Dự án có tổng mức đầu tư gần 1.167 nghìn tỷ đồng từ ngân sách Thành phố. Dự án được khởi công quý I/2026, hoàn thành trong quý IV/2026 (trong đó, hoàn thành các hạng mục chính xong trước mùa mưa năm 2026).

Dự án đầu tư xây dựng hồ điều mới Mễ Trì - hồ Đồng Bông 2 (phường Đại Mỗ) có diện tích mặt hồ khoảng 12ha, cao độ mức nước 5,1m; kè bao quanh hồ dài khoảng 1.950m, cùng cống và hệ thống cửa van điều tiết... Dự án có tổng mức đầu tư hơn 601 tỷ đồng, từ ngân sách Thành phố. Dự án được khởi công quý I/2026, hoàn thành trong quý IV/2026 (trong đó hoàn thành các hạng mục chính xong trước mùa mưa năm 2026). Đến nay, phường Đại Mỗ đã bàn giao 100% diện tích mặt bằng sạch (17,38ha). Trước ngày 30/4/2026, cơ bản hoàn thành các hạng mục chính: Kè bao quanh hồ; đào và vận chuyển đất lòng hồ; hệ thống thu nước vào hồ và thoát nước ra kênh Đồng Bông. Các hạng mục hoàn thành trước ngày 30/6/2026: Hoàn thiện khóa đỉnh kè, mái kè, hệ thống lan can đỉnh kè xung quanh phạm vi của hồ kết hợp với đường dạo quanh hồ. Dự án đã đạt gần 95% tiến độ và dự kiến hoàn thành trước ngày 30/06/2026, góp phần giảm tải tình trạng úng ngập tại khu vực phía Tây thành phố.

Các dự án chỉnh trang Đô thị: Các nút giao, cầu vượt như Láng Hạ, Nguyễn Chí Thanh đang gấp rút thi công hoàn thiện; đồng thời nhiều dự án tồn đọng lâu năm (điển hình như dự án D17) đã được gỡ vướng, dự kiến bàn giao trong tháng 6/2026.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Năm, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 3.028 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 19,0% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 48,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2%; 700 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 5,3%; 1.816 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 28,2%; 1.087 doanh nghiệp giải thể, tăng 16,5%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho gần 16,0 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 243,2 nghìn tỷ đồng, tăng 34,4% về số lượng doanh nghiệp và gấp 2 lần vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 6,7 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 26,0%; 19,4 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 9,4%; 4,8 nghìn doanh nghiệp giải thể, tăng 68,9%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Đăng ký doanh nghiệp 5 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



5. Thương mại, du lịch và dịch vụ

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Sang tháng Năm, Hà Nội tiếp tục duy trì các gói kích cầu lớn nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn Thành phố. Bên cạnh đó, từ cuối tháng 5, số lượng học sinh từ một số tỉnh về Hà Nội tham gia các kỳ thi vào các trường chuyên của Bộ cũng tác động làm tăng nhu cầu tiêu dùng. Đồng thời Hà Nội bắt đầu vào thời điểm nắng nóng, nhu cầu sử dụng các mặt hàng điện tử điện lạnh tăng cao tác động đến chỉ tiêu doanh thu.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm ước tính đạt 89,0 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 56,7 nghìn tỷ đồng,

tăng 2,1% và tăng 17,3% (Đá quý, kim loại quý tăng 22,3%; ô tô con tăng 19,8%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 19,2%; lương thực, thực phẩm tăng 17,3%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 17,0%; phương tiện đi lại tăng 16,8%; hàng may mặc tăng 16,3%; xăng dầu tăng 14,9%; nhiên liệu khác tăng 13,5%; hàng hóa khác tăng 18,3%). Doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 11,9 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% và tăng 13,6%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 3.200 tỷ đồng, tăng 4,5% và tăng 15,1%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 17,2 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% và tăng 17,5%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 429,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 276,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 64,5% tổng mức và tăng 13,9% (đá quý, kim loại quý tăng 33,9%; xăng dầu tăng 15,9%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 13,6%; hàng may mặc tăng 13,0%; ô tô con tăng 13,0%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 12,2%; lương thực, thực phẩm tăng 11,6%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 11,0%; hàng hóa khác tăng 14,0%). Doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 56,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,1% và tăng 12,0% (dịch vụ lưu trú tăng 20,9%; dịch vụ ăn uống tăng 8,6%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 14,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,4% và tăng 12,5%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 81,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 19,0% và tăng 10,7%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

5 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



5.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Năm ước tính đạt 2.015 triệu USD, tăng 8,9% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 1.086 triệu USD, tăng 8,8% và tăng 4,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 929 triệu USD, tăng 9,1% và tăng 29,4%.

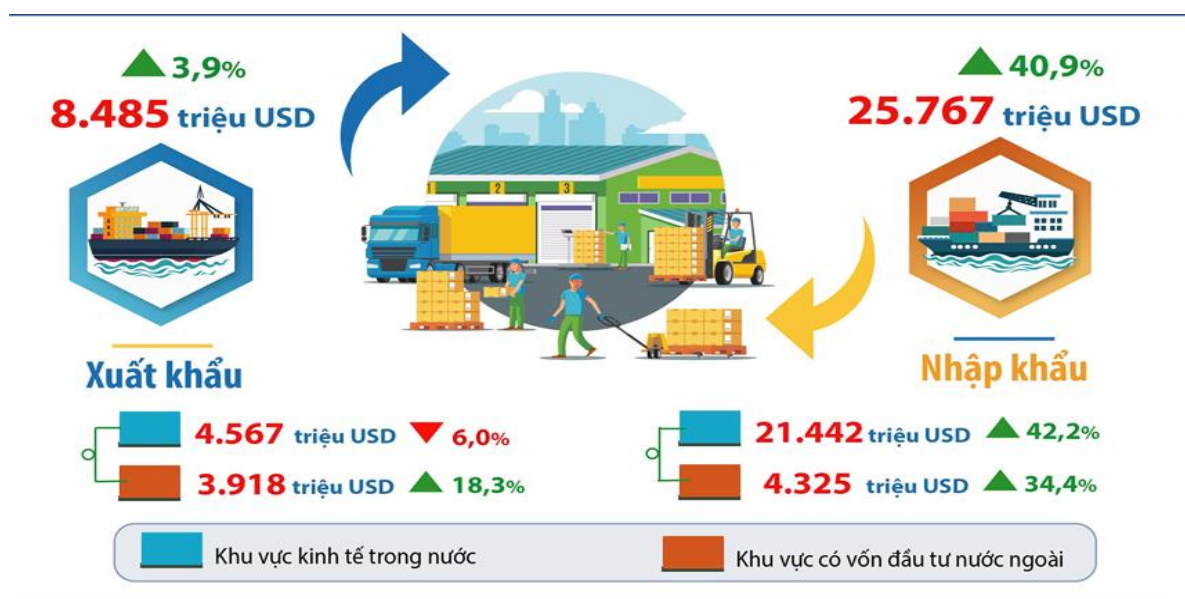
Trong tháng 5/2026, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị phụ tùng 281 triệu USD, tăng 7,1%; phương tiện vận tải và phụ tùng 265 triệu USD, tăng 11,6%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 258 triệu USD, tăng 17,6%; xăng dầu 165 triệu USD, gấp 3,5 lần cùng kỳ năm trước; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 34 triệu USD, tăng 46,7%; hàng hóa khác 575 triệu USD, tăng 31,8%. Bên cạnh đó, một số nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Hàng may, dệt 170 triệu USD, giảm 12,1%; hàng nông sản 142 triệu USD, giảm 1,6%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 62 triệu USD, giảm 41,2%; giày dép các loại và sản phẩm từ da 36 triệu USD, giảm 18,8%; điện thoại và linh kiện 08 triệu USD, giảm 74,5%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 8.485 triệu USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 4.567 triệu USD, giảm 6,0%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 3.918 triệu USD, tăng 18,3%.

Trong 5 tháng đầu năm nay, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị phụ tùng 1.279 triệu USD, tăng 9,3%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 1.258 triệu USD, tăng 18,6%; phương tiện vận tải và phụ tùng 1.124 triệu USD, tăng 4,7%; hàng nông sản 691 triệu USD, tăng 0,4%; giày dép và các sản phẩm từ da 173 triệu USD, tăng 4,0%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 152 triệu USD, tăng 18,2%; hàng hóa khác 2.334 triệu USD, tăng 6,9%. Bên cạnh đó, 4/12 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Hàng may, dệt 844 triệu USD, giảm 6,7%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 298 triệu USD, giảm 23,3%; xăng dầu 217 triệu USD, giảm 9,8%; điện thoại và linh kiện 28 triệu USD, giảm 66,6%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: Tháng Năm ước tính đạt 5.830 triệu USD, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 44,6% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 4.743 triệu USD, giảm 0,3% và tăng 43,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.087 triệu USD, giảm 0,2% và tăng 48,2%.

Trong tháng Năm, một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 1.062 triệu USD, tăng 27,7%; xăng dầu 900 triệu USD, gấp 3,2 lần cùng kỳ năm trước; phương tiện vận tải và phụ tùng 654 triệu USD, tăng 80,2%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 376 triệu USD, tăng 31,0%; kim loại khác 172 triệu USD, tăng 17,6%; chất dẻo 131 triệu USD, tăng 12,1%; sản phẩm hóa chất 102 triệu USD, tăng 32,9%; hàng điện gia dụng và linh kiện 90 triệu USD, tăng 28,2%; hàng hóa khác 1.871 triệu USD, tăng 41,5%. Bên cạnh đó, 3/14 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Sắt thép 196 triệu USD, giảm 2,7%; thức ăn gia súc 52 triệu USD, giảm 36,9%; ngô 34 triệu USD, giảm 51,0%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 25.767 triệu USD, tăng 40,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 21.442 triệu USD, tăng 42,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 4.325 triệu USD, tăng 34,4%.

Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 4.280 triệu USD, tăng 18,3%; xăng dầu 3.158 triệu USD, tăng 91,3%; phương tiện vận tải và phụ tùng 2.649 triệu USD, tăng 82,3%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 1.581 triệu USD, tăng 28,7%; kim loại khác 748 triệu USD, tăng 0,7%; hàng điện gia dụng và linh kiện 438 triệu USD, tăng 22,4%; vải 430 triệu USD, tăng 2,2%; sản phẩm hóa chất 423 triệu USD, tăng 17,0%; hàng hóa khác 9.623 triệu USD, tăng 59,8%. Bên cạnh đó, có 3/14 nhóm hàng kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Sắt, thép 864 triệu USD, giảm 7,3%; chất dẻo 578 triệu USD, giảm 3,5%; thức ăn gia súc 265 triệu USD, giảm 14,2%.

5.3. Vận tải và bưu chính chuyển phát

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, hoạt động hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng 5/2026 đạt 25,8 nghìn tỷ đồng tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026 tổng doanh thu ước đạt 125,5 nghìn tỷ đồng tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Năm ước đạt 51,5 triệu lượt người, giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1.446 triệu lượt người.km, giảm 0,5% và tăng 18,3%; doanh thu ước tính đạt 2.924 tỷ đồng,

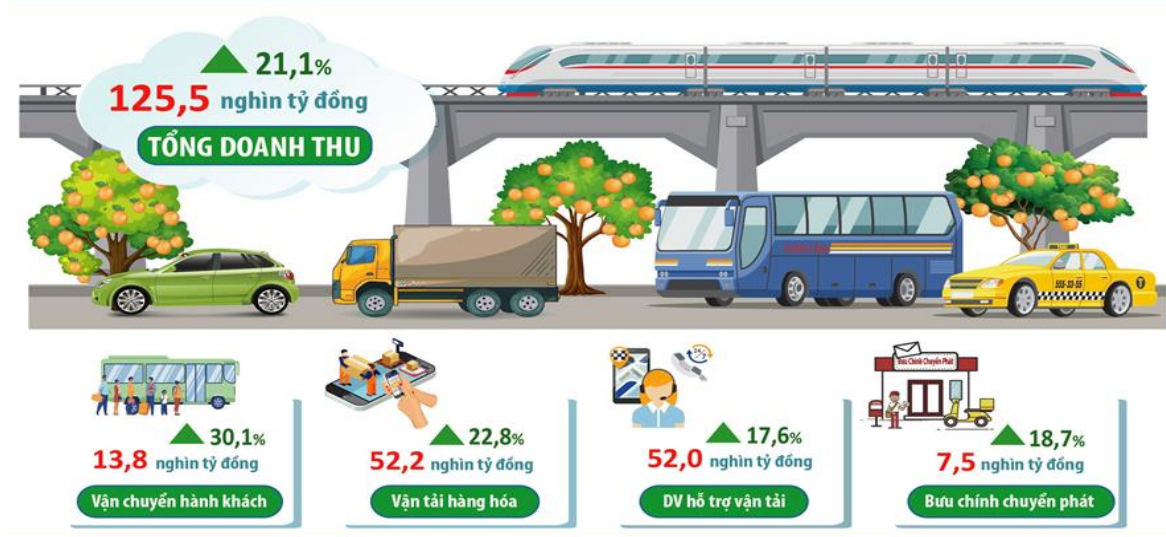
giảm 0,3% và tăng 35,1%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, số lượt hành khách vận chuyển đạt 254,2 triệu lượt người, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 7.169 triệu lượt người.km, tăng 19,6%; doanh thu đạt 13,8 nghìn tỷ đồng, tăng 30,1%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Năm ước tính đạt 160,2 triệu tấn, tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 17,8 tỷ tấn.km, tăng 0,2% và tăng 21,1%; doanh thu ước tính đạt 11,2 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% và tăng 29,9%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 805,7 triệu tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 85,0 tỷ tấn.km, tăng 17,3%; doanh thu đạt 52,2 nghìn tỷ đồng, tăng 22,8%.

Doanh thu hoạt động kho bãi và hỗ trợ vận tải: Tháng Năm ước tính đạt 10,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, doanh thu ước đạt 52,0 nghìn tỷ đồng, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát: Tháng Năm ước tính đạt 1.545 tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, doanh thu ước đạt 7.515 tỷ đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát 5 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



5.4. Hoạt động du lịch

Bước sang tháng Năm, hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội ghi nhận sự chuyển dịch cơ cấu khách rõ rệt khi chính thức bước vào mùa cao điểm du lịch hè, thay thế cho dòng khách văn hóa, tín ngưỡng dịp đầu năm. Tận

dụng hiệu ứng tích cực và đà tăng trưởng từ kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5, Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp kích cầu, tiêu biểu là việc mở rộng mạng lưới các tour du lịch đêm và tổ chức chuỗi sự kiện văn hóa, du lịch gắn với dịp kỷ niệm 72 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ và 136 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các hoạt động này đã trực tiếp duy trì lượng khách lưu trú ở mức cao, thúc đẩy doanh thu của chuỗi cung ứng dịch vụ lưu trú, ăn uống và thương mại bán lẻ.

Để khai thác tối đa giá trị kinh tế từ ngành du lịch, Thành phố tiếp tục chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp lữ hành đa dạng hóa chuỗi sản phẩm và nâng cao chất lượng phục vụ. Công tác quản lý nhà nước tại các điểm đến được tăng cường, đảm bảo tốt việc kiểm soát chất lượng dịch vụ, an ninh, an toàn và bình ổn giá cả trong giai đoạn bước vào mùa cao điểm. Đồng thời, Thành phố cũng tập trung rà soát, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng để các khu vực ngoại thành khai thác hiệu quả tiềm năng, đẩy mạnh phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và du lịch cộng đồng. Qua đó, du lịch tiếp tục khẳng định vai trò kinh tế mũi nhọn, thu hút hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào hạ tầng dịch vụ và giữ vững vị thế dẫn dắt đà tăng trưởng chung của toàn khối dịch vụ trong quý II/2026.

Khách du lịch đến Hà Nội²: Theo Báo cáo của Sở Du lịch, trong tháng Năm ước đạt 3,0 triệu lượt khách, tăng 10,0% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 709,3 nghìn lượt khách, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2025; khách du lịch nội địa ước đạt 2,3 triệu lượt khách, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 12,0 nghìn tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, tổng khách du lịch đến Hà Nội ước đạt 15,0 triệu lượt khách, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 4,1 triệu lượt khách, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm 2025; khách du lịch nội địa ước đạt 11,0 triệu lượt khách, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 62,8 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Ước 6 tháng đầu năm 2026, tổng số lượng khách du lịch đến Hà Nội ước đạt 18,0 triệu lượt khách, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 4,6 triệu lượt khách, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2025; khách du lịch nội địa ước đạt 13,4 triệu lượt khách, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 74,2 nghìn tỷ đồng, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm 2025.

² Khách du lịch đến Hà Nội được tính số lượt khách tại các điểm thăm quan di tích lịch sử trên địa bàn Thành phố (gồm cả khách trong ngày và khách lưu trú).

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ³: Tháng Năm ước đạt 805 nghìn lượt người, giảm 2,1% so với tháng trước (sự sụt giảm nhẹ lượng khách du lịch chủ yếu đến từ khách quốc tế vì từ tháng Năm, khu vực phía Bắc và thành phố Hà Nội chính thức bước vào mùa hè với nền nhiệt độ tăng cao, kết hợp cùng các hình thái thời tiết có mưa lớn; theo quy luật thống kê nhiều năm, đây là giai đoạn bắt đầu chu kỳ thấp điểm của dòng khách du lịch quốc tế) và tăng 36,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, khách du lịch đến Hà Nội đạt 4,1 triệu lượt người, tăng 30,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách quốc tế tháng Năm ước đạt 580 nghìn lượt người, giảm 3,3% so với tháng trước và tăng 42,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, khách quốc tế đạt 3,0 triệu lượt người, tăng 32,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Trung Quốc đạt 376,4 nghìn lượt người, tăng 56,1%; Hàn Quốc 259,7 nghìn lượt người, tăng 17,8%; Mỹ 195,9 nghìn lượt người, tăng 29,0%; Úc 171,0 nghìn lượt người, tăng 31,5%; Anh 165,9 nghìn lượt người, tăng 20,5%; Pháp 165,8 nghìn lượt người, tăng 30,7%; Đài Loan 147,6 nghìn lượt người, tăng 25,9%; Nhật Bản 138,0 nghìn lượt người, tăng 18,4%; Đức 108,3 nghìn lượt người, tăng 24,8%; Canada 68,7 nghìn lượt người, tăng 46,5%; Malaysia 66,2 nghìn lượt người, tăng 25,4%; Singapore 47,2 nghìn lượt người, tăng 21,3%; Thái Lan 40,2 nghìn lượt người, tăng 29,2%.

Khách nội địa tháng Năm ước đạt 225 nghìn lượt người, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, khách nội địa đến Hà Nội đạt 1,1 triệu lượt người, tăng 26,0% so với cùng kỳ năm trước.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ 5 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



³ Khách du lịch đến Hà Nội chỉ tính khách do cơ sở lưu trú phục vụ qua đêm.

Về hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên: Tháng 5/2026 trên địa bàn Hà Nội có 1.995 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; 557 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; 32 doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch, 07 văn phòng đại diện doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; 7.255 hướng dẫn viên du lịch quốc tế; 2.621 hướng dẫn viên du lịch nội địa và 158 hướng dẫn viên tại điểm du lịch đang hoạt động.

Tình hình hoạt động của cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ khách du lịch: Tháng 5/2026, trên địa bàn Thành phố có 61 cơ sở kinh doanh dịch vụ được công nhận đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, trong đó 27 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 23 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm, 09 cơ sở kinh doanh vui chơi giải trí và 02 cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Hệ thống các cơ sở dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đã thu hút lượng lớn du khách và người dân đến thăm quan và mua sắm. Hiện tại, trên địa bàn Thành phố có 3.761 cơ sở lưu trú du lịch với 71,3 nghìn phòng, trong đó 66 khách sạn, khu căn hộ được xếp hạng từ 1 đến 5 sao⁴ với gần 10 nghìn phòng. Trong tháng Năm, công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn ước đạt 65,7% tăng 2,6 điểm % so với cùng kỳ năm 2025. Công suất sử dụng phòng trung bình 5 tháng đầu năm ước đạt 65,6% tăng 2,3 điểm % so với cùng kỳ năm 2025.

6. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Trong tháng Năm, thành phố Hà Nội thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về điều hành giá, kiểm soát lạm phát, đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa, theo dõi sát diễn biến giá cả, đặc biệt đối với các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải. Thành phố thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của liên Bộ Công Thương - Tài chính về điều hành giá xăng, dầu; phối hợp với các doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối đảm bảo nguồn cung ổn định cho hệ thống bán lẻ trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng gián đoạn nguồn cung. Thị trường hàng hóa tiêu dùng, lương thực, thực phẩm đảm bảo, đáp ứng nhu cầu của người dân. Các hệ thống phân phối, siêu thị, chợ truyền thống duy trì hoạt động bán hàng, thực hiện tốt công tác dự trữ hàng hóa và bình ổn giá. Bên cạnh đó, thành phố Hà Nội tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng. Các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn được yêu cầu thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết, đảm bảo chất lượng hàng hóa và quyền lợi người tiêu dùng. Nhìn chung, trong tháng 5/2026,

⁴ Cụ thể: Có 28 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 5 sao; 16 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 4 sao; 08 khách sạn 3 sao; 10 khách sạn 2 sao và 04 khách sạn 1 sao. Số cơ sở lưu trú du lịch chưa đăng ký xếp hạng là 3.676 cơ sở lưu trú với 61,3 nghìn phòng.

thị trường Hà Nội tiếp tục duy trì ổn định, cung cầu hàng hóa được bảo đảm, không xảy ra biến động lớn về giá cả, góp phần hỗ trợ mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2026 tăng 0,28% so với tháng trước, tăng 2,95% so với tháng 12/2025 và tăng 5,62% so với cùng kỳ. CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2026 tăng 4,79% so với bình quân cùng kỳ năm 2025.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tháng 5/2026, chỉ số giá giảm nhẹ 0,05% so với tháng trước và tăng 5,20% so với tháng 5/2025. Nguyên nhân khiến giá gạo trên thị trường Hà Nội giảm chủ yếu do nguồn cung lúa gạo trong nước dồi dào khi nhiều địa phương bước vào vụ thu hoạch, lượng hàng đưa ra thị trường tăng làm giá bán có xu hướng giảm nhẹ. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,10% so với bình quân 5 tháng năm 2025, trong đó: Giá lương thực tăng 2,21% (giá gạo tẻ thường tăng 0,70%; gạo tẻ ngon tăng 1,92%); giá thực phẩm tăng 4,96% (thịt lợn tăng 8,78%; thịt gà tăng 4,13%; tôm tươi tăng 8,57%; trứng tươi các loại tăng 8,61%); giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,54%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Trong tháng 5/2026, chỉ số giá tăng 0,09% so với tháng trước (trong đó thuốc lá tăng 0,74%) và tăng 3,94% so với cùng kỳ. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,98% so với bình quân 5 tháng năm 2025 (trong đó bia tăng 2,53%; thuốc lá tăng 4,38%).

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Chỉ số giá tháng 5/2026 giảm nhẹ 0,15% so với tháng trước và tăng 1,99% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,00% so với bình quân 5 tháng năm 2025.

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng: Trong tháng Năm, chỉ số giá tăng 0,80% so với tháng trước (bình quân giá điện sinh hoạt tăng 2,58%; nhà ở cho thuê tăng 0,55%; giá dầu hỏa giảm mạnh 21,06%; giá gas giảm 4,94%). So với cùng kỳ năm trước, CPI nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,87%. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, CPI nhóm này tăng 7,71% so với bình quân 5 tháng năm 2025 (trong đó giá điện tăng 5,46%; giá nhà ở cho thuê tăng 9,38%; giá vật liệu xây dựng tăng 20,16%; giá gas tăng 9,91%; dầu hỏa tăng 39,25%).

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Tháng 5/2026 tăng nhẹ 0,17% so với tháng trước (máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,84%; quạt điện tăng 0,11%). So với cùng kỳ tháng 5/2025, chỉ số giá nhóm này tăng 3,50%. Bình quân 5 tháng năm 2026, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,89% so với bình quân 5 tháng năm 2025.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: Tháng 5/2026, chỉ số giá tăng nhẹ 0,05% so với tháng trước và tăng 0,50% so với tháng 5/2025. Bình quân 5 tháng năm 2026, CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,31% so với bình quân cùng kỳ.

Nhóm giao thông: Tháng 5/2026, chỉ số giá tăng 0,57% so với tháng trước (cụ thể giá xăng bình quân trong tháng tăng 2,30%, giá dầu diesel giảm 16,44%). So với cùng kỳ tháng 5/2025, CPI nhóm giao thông tăng 13,32%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân tăng 6,58% so với CPI bình quân 5 tháng năm 2025 (trong đó dầu diesel tăng 34,85%; ảnh hưởng nhiều nhất là giá vận chuyển hành khách bằng đường hàng không tăng 80,48%).

Nhóm thông tin và truyền thông: Tháng 5/2026, chỉ số giá tăng 0,08% so với tháng trước và giảm 0,48% so tháng 5/2025. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, CPI nhóm này giảm 0,39% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Nhóm giáo dục: Tháng 5/2026, chỉ số giá tương đương tháng trước và tăng 4,59% so với cùng kỳ tháng 5/2025. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 4,56% so với bình quân 5 tháng năm 2025 (trong đó dịch vụ giáo dục trung cấp tăng 18,12%; dịch vụ giáo dục đại học tăng 10,86%).

Chỉ số giá bình quân một số nhóm hàng

5 tháng các năm 2022 – 2026 (So với bình quân cùng kỳ năm trước)

Đơn vị tính: %

	5 tháng năm 2022	5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2024	5 tháng năm 2025	5 tháng năm 2026
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	103,04	101,52	105,31	103,03	104,79
<i>Trong đó:</i>					
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	101,78	104,34	103,27	102,89	105,10
Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	104,85	100,47	105,87	107,31	107,71
Thuốc và dịch vụ y tế	100,40	100,36	102,98	116,74	100,31
Giao thông	115,30	97,97	102,73	96,39	106,58
Giáo dục	97,74	95,89	132,87	96,39	104,56
Văn hóa, giải trí và du lịch	101,83	105,26	99,67	103,95	103,48
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,54	103,00	107,24	105,14	102,92
Chỉ số giá vàng	102,38	100,78	124,87	143,35	170,80
Chỉ số giá đô la Mỹ	99,26	103,20	105,09	103,41	102,17

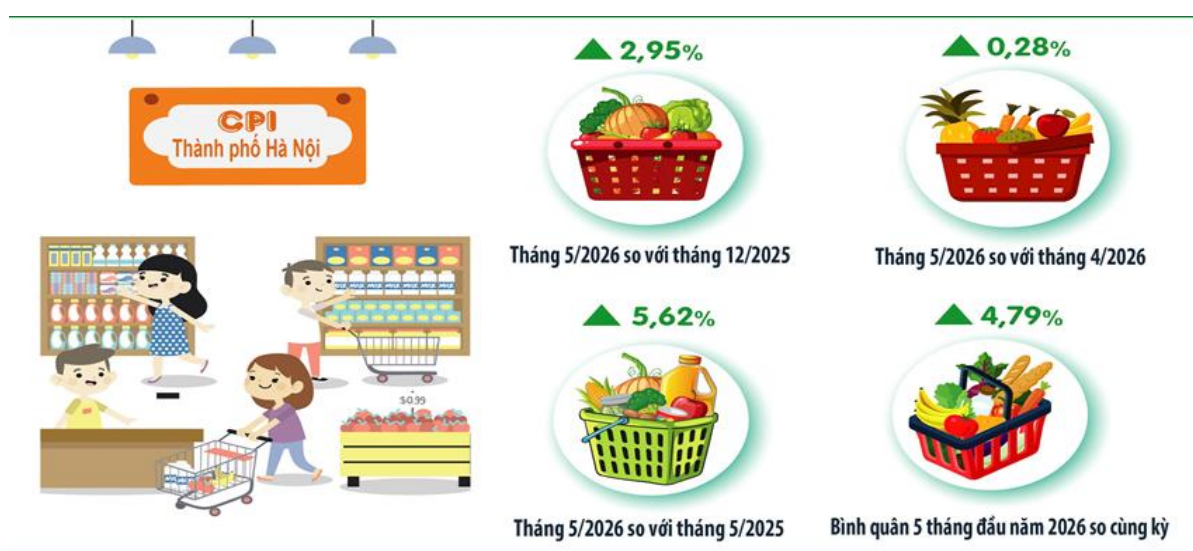
Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Tháng 5/2026 chỉ số giá tăng 0,90% so với tháng trước, tăng 3,69% so với cùng kỳ tháng 5/2025. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 3,48% so với bình quân 5 tháng năm 2025 (trong đó mặt hàng sách báo, tạp chí tăng 6,04%; du lịch trọn gói tăng 5,41%; khách sạn nhà khách tăng 7,92%).

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Chỉ số giá tháng 5/2026 giảm nhẹ 0,01% so với tháng trước và tăng 2,98% so cùng kỳ năm trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá tăng 2,92% so với bình quân 5 tháng năm 2025 (giá đồ trang sức tăng 66,69%, dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 3,58%).

Chỉ số giá vàng tháng 5/2026 giảm 4,05% so với tháng trước; tăng 6,63% so với tháng 12/2025 và tăng 36,72% so với cùng kỳ tháng 5/2025. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 70,80% so với bình quân 5 tháng năm 2025.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2026 tăng nhẹ 0,06% so với tháng trước, giảm 0,11% so với tháng 12/2025, tăng 0,93% so với cùng kỳ tháng 5/2025. Bình quân 5 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá USD tăng 2,17% so với bình quân 5 tháng năm 2025.

CPI tháng Năm và bình quân 5 tháng đầu năm 2026



7. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

7.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến hết ngày 26/5/2026 ước thực hiện 363,2 nghìn tỷ đồng, đạt 55,9% dự toán và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Thu nội địa 343,8 nghìn tỷ đồng, đạt 56,4% và tăng 1,4%; thu từ dầu thô 1,1 nghìn tỷ đồng, đạt 32,6% và tăng 3,3%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 17,9 nghìn tỷ đồng, đạt 49,0% và tăng 33,6%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu trong thu nội địa: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước thực hiện 44,9 nghìn tỷ đồng, đạt 53,8% dự toán và tăng 9,0% so cùng kỳ năm 2025; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 22,5 nghìn tỷ đồng, đạt 53,3% và tăng 33,6%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 98,2 nghìn tỷ đồng, đạt 68,9% và tăng 38,9%; thuế thu nhập cá nhân 31,6 nghìn tỷ đồng, đạt 45,4% và tăng 9,7%; thu tiền sử dụng đất 41,9 nghìn tỷ đồng, đạt

50,6% và bằng 65,6%; thu phí và lệ phí 12,7 nghìn tỷ đồng, đạt 42,3% và tăng 34,1%; thu lệ phí trước bạ 3,2 nghìn tỷ đồng, đạt 31,8% và tăng 7,2%.

Chi ngân sách địa phương đến hết ngày 26/5/2026 ước thực hiện 75,3 nghìn tỷ đồng, đạt 28,3% dự toán và tăng 68,9% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chi đầu tư phát triển 43,1 nghìn tỷ đồng, đạt 27,6% và gấp 2,7 lần cùng kỳ; chi thường xuyên 32,0 nghìn tỷ đồng, đạt 39,9% và tăng 12,2%.

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương 5 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025)



7.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Tháng Năm, tại các ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn, lãi suất tiền gửi có xu hướng giảm so với cuối tháng 4/2026, đặc biệt là đối với các kỳ hạn dài. Thời điểm trong tháng 5/2026 lãi suất tiền gửi bằng VND bình quân của các NHTM trong nước phổ biến ở mức 0,1 - 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,1 - 4,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 5,6 - 7,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; 5,6 - 7,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước với các khoản vay ở mức 7,8 - 10,0%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) bình quân khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức quy định của NHNN (4%/năm).

Hoạt động huy động vốn: Nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn gia tăng, đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng của nền kinh tế và chấp hành các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn của NHNN. Ước tính đến cuối tháng 5/2026, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố đạt 7.234 nghìn tỷ đồng,

tăng 0,51% so với cuối tháng trước và tăng 2,17% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó tiền gửi đạt 6.387 nghìn tỷ đồng⁵, tăng 0,51% và tăng 1,84%; phát hành giấy tờ có giá đạt 847 nghìn tỷ đồng, tăng 0,49% và tăng 4,74%.

Hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp và người dân để duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách. Ước đến cuối tháng 5/2026, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 5.963 nghìn tỷ đồng, tăng 1,10% so với cuối tháng trước và tăng 3,24% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 2.300 nghìn tỷ đồng, tăng 0,45% và tăng 0,97%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 3.663 nghìn tỷ đồng, tăng 1,51% và tăng 4,71%. Tính đến cuối tháng 5/2026, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,49% trong tổng dư nợ.

Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng trên địa bàn Thành phố với 05 lĩnh vực ưu tiên như sau: Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 21,05%; chương trình nông nghiệp, nông thôn chiếm 9,80%; cho vay xuất khẩu chiếm 5,08%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,46%; cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,41%.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng 5/2026

(So với thời điểm cuối năm 2025)



7.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết ngày 26/5/2026, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.131 doanh nghiệp được phép giao dịch, giảm 04 doanh nghiệp so với cuối tháng trước và

⁵ Tiền gửi tiết kiệm đạt 1.957 nghìn tỷ đồng, tăng 0,98% so với cuối tháng trước và tăng 7,11% so với thời điểm kết thúc năm 2025; tiền gửi có kỳ hạn (tiêu thức mới theo quy định của NHTW) đạt 3.160 nghìn tỷ đồng, tăng 0,35% và tăng 2,99%; tiền gửi thanh toán đạt 1.270 nghìn tỷ đồng, tăng 0,20% và giảm 7,73%.

giảm 65 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX có 300 doanh nghiệp và Upcom có 831 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 662,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,43% so với cuối tháng trước và tăng 2,50% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX đạt 191,0 nghìn tỷ đồng, giảm 0,11% và tăng 14,13%; Upcom đạt 471,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,65% và giảm 1,57%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 26/05 đạt 1.820,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,35% so với cuối tháng trước và tăng 3,45% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 462,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,59% và tăng 32,06%; Upcom đạt 1.358,0 nghìn tỷ đồng, tăng 1,61% và giảm 3,67%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tính đến hết giao dịch ngày 26/5/2026, khối lượng trung bình 1 ngày/tháng đạt 70,1 triệu CP được chuyển nhượng, giảm 8,4% so với trung bình 1 ngày/tháng trước và giảm 10,2% so với trung bình 1 ngày/tháng cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch trung bình 1 ngày/tháng đạt 1,29 nghìn tỷ đồng, giảm 7,9% và tăng 3,4%. Trong đó, giao dịch khớp lệnh (định kỳ và liên tục) trung bình 1 ngày/tháng đạt 56,9 triệu CP, giảm 12,5% và giảm 22,9%; giá trị trung bình 1 ngày/tháng đạt 1,07 nghìn tỷ đồng, giảm 11,3% và giảm 8,1%. Tính đến hết 26/5/2026, khối lượng giao dịch chung 5 tháng đạt 8,1 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 168,1 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Tư, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp mới được 412 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 35 mã giao dịch; cá nhân 277 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới đến hết tháng 4 đạt 1034.2 nghìn tài khoản.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. An sinh xã hội

Để góp phần đảm bảo an sinh xã hội, trong tháng Năm, Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 1.119 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng và các đối tượng liên quan; tính chung 5 tháng đầu năm 2026, Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 6.173 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi. Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công đã thực hiện điều dưỡng tập trung 2.499 lượt người có công với tổng kinh phí gần 15 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương và Thành phố. Chất lượng chăm sóc sức khỏe, chế độ dinh dưỡng và đời sống tinh thần của người có công tiếp tục được nâng cao.

Tính đến ngày 15/5/2026, các xã, phường thực hiện chi trả trợ cấp hằng tháng cho 74,8 nghìn người có công với cách mạng với tổng kinh phí 229 tỷ đồng

(trong đó chi trả qua tài khoản là 74,4 nghìn người với kinh phí 227,9 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 99,5%; chi trả bằng tiền mặt 382 người với kinh phí 1,1 tỷ đồng).

Từ 01/01/2026, Hà Nội thực hiện Nghị quyết 63/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố là 650 nghìn đồng/tháng; đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được Thành phố tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Y tế quản lý áp dụng hệ số 2,5 đối với trẻ em dưới 04 tuổi và hệ số 4,0 với đối tượng từ 04 tuổi trở lên. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được hỗ trợ thêm hằng tháng 150 nghìn đồng (ngoài chính sách của Nhà nước) đảm bảo tổng mức hưởng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội và được hưởng quà Tết như các đối tượng bảo trợ xã hội theo chính sách của Thành phố.

2. Giải quyết việc làm

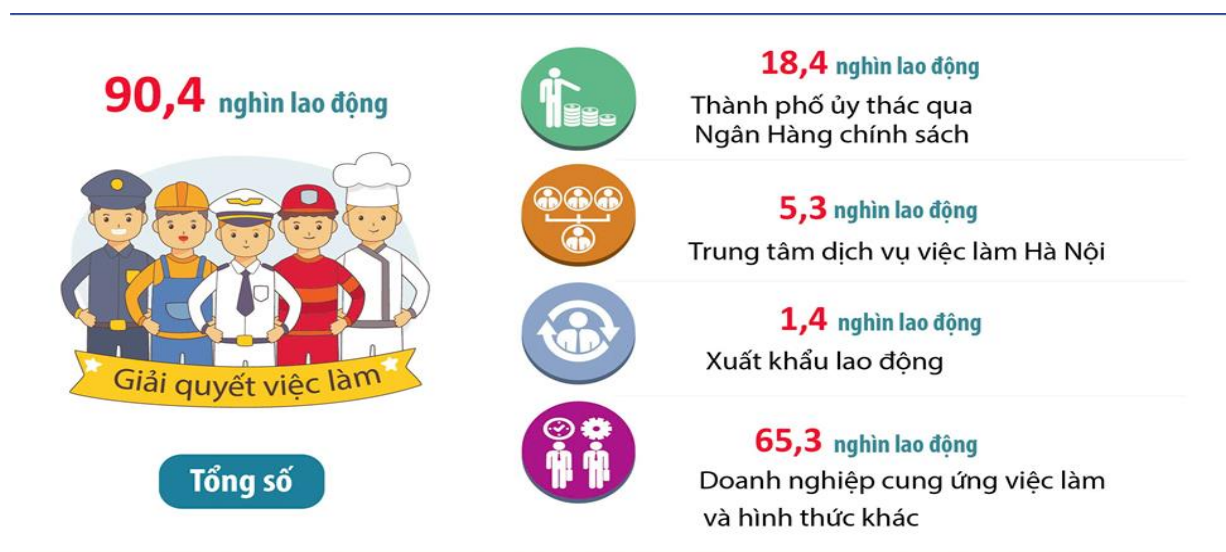
Trong tháng Năm năm nay, Thành phố ban hành 02 kế hoạch, 01 quyết định trong đó có kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo lại nghề và giải quyết việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật, người cao tuổi, người chấp hành xong hình phạt tù, người sau cai nghiện ma túy, lao động nông thôn, lao động có đất thu hồi, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 – 2030.

Cũng trong tháng Năm, Thành phố giải quyết việc làm cho 21,9 nghìn lao động, trong đó: Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho đối tượng nghèo, đối tượng chính sách xã hội vay với tổng số tiền 524 tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho 4.850 lao động; 760 người nhận được việc làm qua các phiên, sàn giao dịch việc làm và hoạt động giới thiệu việc làm tại trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội; 386 người được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; 15,9 nghìn người nhận được việc từ dịch vụ cung ứng việc làm của các doanh nghiệp và qua các hình thức khác. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, Thành phố giải quyết việc làm cho 90,4 nghìn lao động, đạt 52,8% kế hoạch năm 2026, trong đó: Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho đối tượng nghèo, đối tượng chính sách xã hội vay với tổng số tiền 1.923 tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho 18,4 nghìn lao động; hơn 5,3 nghìn người nhận được việc làm qua các phiên, sàn giao dịch việc làm và hoạt động giới thiệu việc làm tại trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội; gần 1,4 nghìn người được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; 65,3 nghìn người nhận được việc từ dịch vụ cung ứng việc làm của các doanh nghiệp và qua các hình thức khác

Cũng trong tháng Năm, Thành phố ra quyết định trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp cho 4.427 người lao động với số tiền hỗ trợ 172,7 tỷ đồng; có 2.134 người lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn, giới thiệu việc làm (trong đó 959

người được giới thiệu việc làm mới); hỗ trợ học nghề cho 92 người với tổng số tiền 373,5 triệu đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, Thành phố ra quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho gần 18,5 nghìn người với số tiền hỗ trợ 758,6 tỷ đồng, giảm 24,8% số người và giảm 17,7% số tiền so với cùng kỳ năm 2025; có 17,6 nghìn người lao động hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề cho 409 người với số tiền 1,6 tỷ đồng.

Giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội 5 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ năm 2025)



3. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội

Năm 2026, theo kế hoạch Thành phố giao: Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,25% dân số. Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc đạt 49,0% số người trong độ tuổi lao động; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 4,0%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 46,5% lực lượng lao động.

Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội, tính đến hết tháng Năm trên địa bàn Thành phố tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 95,99% dân số⁶ với 8.548 nghìn người tham gia, tăng 0,47% so với tháng trước, tăng 4,79% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 0,95% so với thời điểm kết thúc năm 2025. Có 2.533 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc⁷, chiếm 48,09% lực lượng trong độ tuổi lao động, tăng 1,0%, tăng 15,25% và tăng 5,43%. Có 143 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện⁸, chiếm 3,65% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 0,18%, tăng 25,6% và tăng 6,19%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 2.449 nghìn người⁹, chiếm 46,23%, tăng 0,86%, tăng 14,93% và tăng 4,91%.

⁶ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và các trường hợp tham gia BHYT dưới 3 tháng, đang bảo lưu.

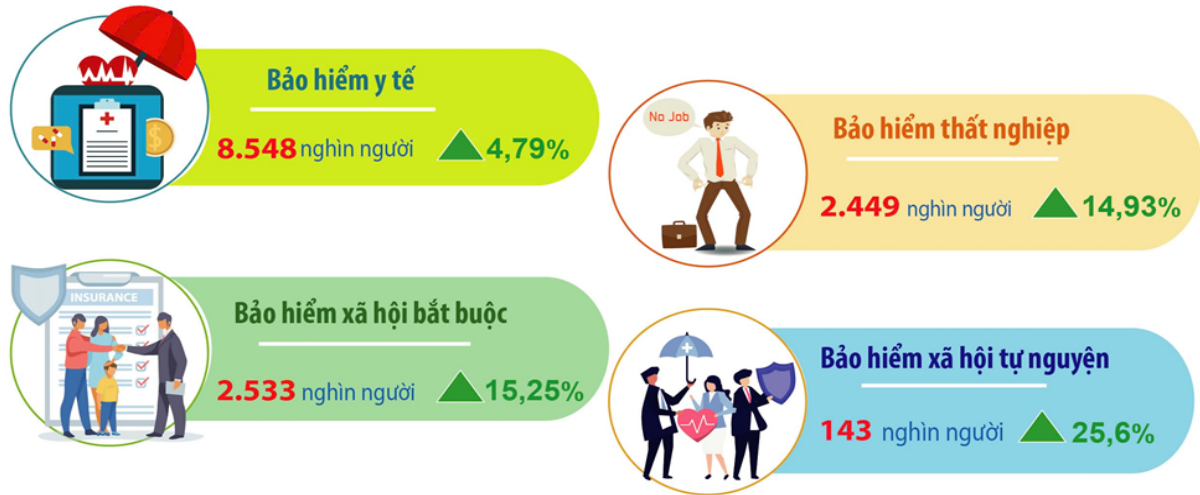
⁷ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và người đang bảo lưu.

⁸ Chưa bao gồm số người tham gia BHXH tự nguyện đang bảo lưu.

⁹ Chưa bao gồm số người đang bảo lưu.

Tính đến hết tháng Năm, tổng số tiền thu từ BHXH, BHYT, BHTN là 35,7 nghìn tỷ đồng, tăng 14,11% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng chi BHXH, BHYT, BHTN là 37,0 nghìn tỷ đồng, tăng 3,85%, trong đó: Chi lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 21,0 nghìn tỷ đồng; chi khám chữa bệnh BHYT 12,5 nghìn tỷ đồng.

Số người tham gia Bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội Tính đến cuối tháng Năm (so với cùng kỳ năm 2025)



4. Tình hình dịch bệnh và an toàn thực phẩm

Tình hình phòng chống dịch bệnh: Theo số liệu của Sở Y tế Hà Nội, trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2026 đến ngày 15/5/2026 tình hình các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn Thành phố cơ bản vẫn đang được kiểm soát tốt. Cộng dồn từ đầu năm 2026 đến ngày 15/5/2025, Thành phố ghi nhận số ca mắc như sau:

Chân tay miệng ghi nhận 3.083 ca mắc, tăng 806 ca so với cùng kỳ năm 2025, bệnh nhân ghi nhận tại 126 phường, xã với 63 ổ dịch, hiện tại còn 02 ổ dịch đang hoạt động. CDC Hà Nội nhận định, số ca mắc tay chân miệng tuần qua đã có xu hướng chững lại và giảm so với tuần trước nhưng vẫn ở mức cao. Dự báo trong thời gian tới số mắc sẽ tiếp tục giảm. Các xã, phường cần tiếp tục giám sát phát hiện và xử lý các khu vực có ca bệnh, ổ dịch tay chân miệng, tăng cường công tác phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra giám sát đợt cao điểm triển khai vệ sinh môi trường, khử khuẩn chủ động phòng chống tay chân miệng tại các trường mầm non, mẫu giáo trên địa bàn.

Sốt xuất huyết ghi nhận 260 ca mắc tại 83 xã phường, tăng 9 ca so với cùng kỳ năm 2025. Từ đầu năm 2026 đến nay ghi nhận 04 ổ dịch, hiện còn 01 ổ dịch đang hoạt động, các trường hợp khác tản phát tại các xã, phường không tạo ổ dịch lớn. Dự báo trong thời gian tới số mắc sẽ tiếp tục ghi nhận rải rác và có thể xuất hiện thêm các ổ dịch mới.

Lũy kế từ đầu năm 2025 đến nay ghi nhận: 313 ca mắc Thủy đậu, giảm 214 ca so với cùng kỳ năm trước; có 236 ca mắc Sởi, giảm 3.519 ca (cùng kỳ 01 người tử vong); 1.995 ca mắc Cúm A (H1N1), giảm 3.692 ca; 08 người bị uốn ván, trong đó 01 ca tử vong, giảm 06 ca; 38 người bị bệnh ho gà, tăng 25 ca; 67 ca mắc Covid-19 tương đương cùng kỳ.

Hiện nay, thời tiết nóng ẩm mưa nhiều của mùa hè làm cho bệnh sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm lây truyền qua đường hô hấp như Covid, cúm, thủy đậu, ho gà, sởi, rubella, adeno vi rút, chân tay miệng tiếp tục diễn ra. Cơ quan chức năng đề nghị người dân cần chủ động phòng chống lây nhiễm.

Cũng trong tháng 5/2026, Hà Nội tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện việc sàng lọc, phân loại, cách ly nghiêm ngặt tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định mắc virus Ebola tại cơ sở điều trị.

Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong tháng Năm, Thành phố ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại phường Long Biên và 01 sự cố an toàn thực phẩm tại phường Xuân Phương. Hiện nay Thành phố đang triển khai Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2026 với chủ đề “Bảo đảm an toàn thực phẩm, trong đó chú trọng an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể, dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố”. Đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thực phẩm, chủ động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, không chế không để ngộ độc thực phẩm đồng người mắc và tử vong do ngộ độc thực phẩm góp phần giữ vững an ninh chính trị, ổn định an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống người dân. Ngoài các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành cấp thành phố, các xã, phường, cũng thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra. Riêng ngành Y tế chú trọng thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; các bếp ăn tập thể trường học, khu công nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống, đóng chai, nước đá dùng liền theo phân cấp...

Đoàn kiểm tra liên ngành của Thành phố đã kiểm tra tại 07 cơ sở, xử phạt 320 triệu đồng. Kiểm tra tại 19 bếp ăn tập thể (BATT) (gồm 5 BATT trường học và 14 BATT khu công nghiệp), 01 cơ sở sản xuất nước đá dùng liền. Hậu kiểm 07 cơ sở dịch vụ ăn uống. Xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 BATT với số tiền 16 triệu đồng.

5. Giáo dục và đào tạo

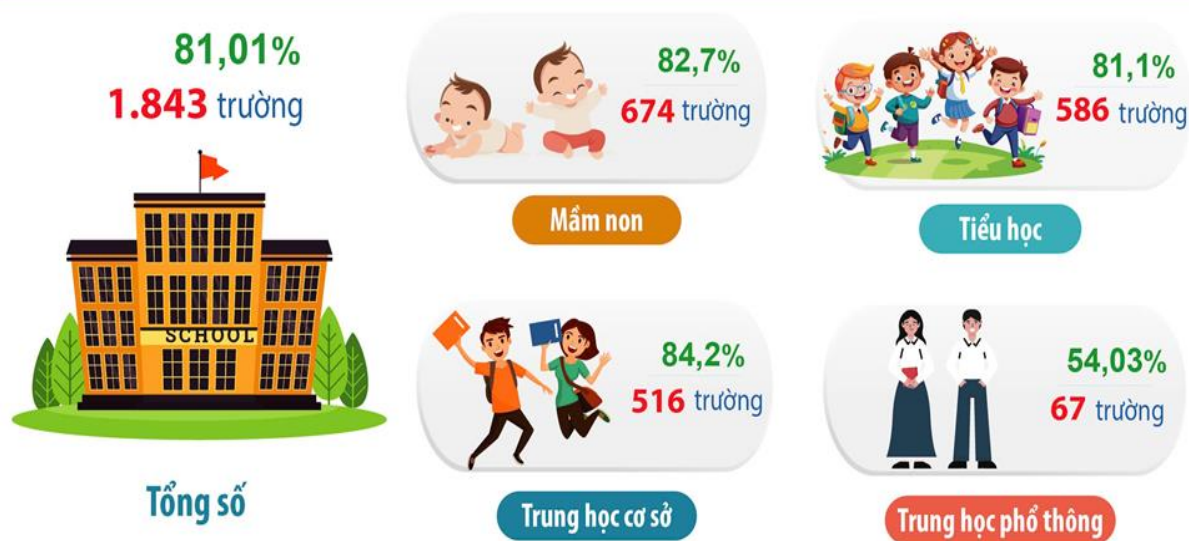
Tháng Năm là thời điểm kết thúc năm học 2025 - 2026, nhân dịp này ngày 13/5/2026 Thành phố đã tổ chức Lễ tuyên dương khen thưởng học sinh giỏi tiêu biểu Thủ đô với 771 học sinh xuất sắc, đại diện cho hơn 2,3 triệu học sinh toàn Thành phố tham dự. Trong năm học này, thành phố Hà Nội tiếp tục đứng đầu cả nước về quy mô giáo dục với 2.954 trường mầm non, phổ thông và

giáo dục thường xuyên các cấp; 70,5 nghìn lớp; 2.327 nghìn học sinh; 129,3 nghìn giáo viên. Đến nay, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 81,01% với 1.843 trường (không tính các trường đặc thù có học sinh khuyết tật), trong đó: Mầm non đạt 82,7% với 674 trường; tiểu học đạt 81,1% với 586 trường; trung học cơ sở đạt 84,2% với 516 trường; trung học phổ thông đạt 54,03% với 67 trường. Hà Nội cũng là địa phương tiên phong hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học và dẫn đầu cả nước trong triển khai các chương trình song ngữ, song bằng quốc tế hợp tác với Cambridge, Pearson, Oxford và Hội đồng Anh. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn của Thủ đô tiếp tục được khẳng định với tỷ lệ tốt nghiệp THPT thuộc nhóm dẫn đầu toàn quốc, đạt thứ hạng cao nhất trong 20 năm qua. Học sinh Hà Nội giành 15 giải quốc tế, 207 giải quốc gia và có Quán quân Đường lên đỉnh Olympia năm thứ 25. Đặc biệt, ngày 04/12/2025, Hà Nội được UNESCO vinh danh là “Thành phố học tập toàn cầu”. Thủ đô cũng được lựa chọn đăng cai Kỳ thi Olympic Thiên văn và Vật lý thiên văn thế giới năm 2026, khẳng định vị thế và năng lực hội nhập của giáo dục Hà Nội.

Thành phố cũng có văn bản hướng dẫn các trường THPT, các trường hiệp quản, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp THPT), các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên về việc tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026; hướng dẫn các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp THPT, các trung tâm GDNN-GDTX, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có liên kết giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông chuẩn bị và tổ chức triển khai công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027.

Tỷ lệ Trường công lập đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố

Tính đến cuối tháng Năm năm 2026



Về giáo dục nghề nghiệp: Theo số liệu thống kê của Sở giáo dục và Đào tạo, ở loại hình đào tạo nghề là trường cao đẳng và trung cấp nghề, hiện nay trên địa bàn thành phố có 70 trường cao đẳng và 84 trường trung cấp nghề. Trong tháng báo cáo các cơ sở này đã tuyển sinh được 1.081 lượt người (trong đó 520 người trình độ cao đẳng, 561 người trình độ trung cấp). Có 12.048 học sinh, sinh viên tốt nghiệp trong đó có 6.144 người trình độ cao đẳng và 5.904 người trình độ trung cấp, góp phần cung cấp nguồn lao động có trình độ đào tạo cho thị trường lao động trên địa bàn Thành phố và các tỉnh lân cận.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Hoạt động văn hóa, thông tin: Trong tháng, Thành phố thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan và triển lãm nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ; Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Kỷ niệm 136 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Hội nghị Hội đồng nhân dân toàn quốc triển khai phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026 - 2031 với 4.132 băng rôn; 205 cụm pano (tương đương 4.046m²); 09 cụm mô hình; 11 cụm cột cờ; 53 cụm hồng kỳ; 1.300 giá cờ và 330 lá hồng kỳ. Hoạt động trang trí, cổ động trực quan được triển khai với nhiều hình thức phong phú như: pano, hệ thống giá treo băng rôn dọc, cụm mô hình, Quốc kỳ, Đảng kỳ, cụm hồng kỳ... tại hầu hết các tuyến đường chính và khu vực diễn ra sự kiện.

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại các điểm di tích, văn hóa do Thành phố quản lý tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực với tổng lượng khách đạt 313,6 nghìn lượt người, đây là kết quả rõ nét từ hiệu quả kích cầu của chính sách miễn phí vé tham quan cho du khách nội địa trong kỳ nghỉ lễ 30/4 và 1/5. Các điểm đến tiêu biểu như Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám và đền Ngọc Sơn tiếp tục duy trì quy mô đón khách lớn nhất, đạt lần lượt hơn 110 và 106,4 nghìn lượt khách, mang lại nguồn thu ngân sách ước đạt 7,5 tỷ và 4,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Di tích Nhà tù Hỏa Lò ghi nhận hiệu quả cao trong việc đổi mới phương thức truyền tải lịch sử qua các buổi biểu diễn hoạt cảnh và chương trình giao lưu với nhân chứng. Phương pháp tiếp cận này đã giúp di tích đón tiếp hơn 80,2 nghìn lượt khách, đặc biệt thu hút sự quan tâm của khách quốc tế với gần 43,9 nghìn lượt khách, trong đó khách thu phí: 58,7 nghìn lượt; khách miễn phí: 21,5 nghìn lượt; tổng thu phí đạt: 2,8 tỷ đồng. Cùng với hoạt động của các điểm di tích, Bảo tàng Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, không gian trải nghiệm và tọa đàm chuyên đề, tiêu biểu như "Dệt Mới Sắc Xưa" hay "Chuyện thời bình". Đơn vị cũng chủ động kết nối, làm việc với nhiều đoàn khảo sát, học thuật quốc tế nhằm mở rộng quy mô hoạt động, trong tháng đón tiếp 5,6 nghìn lượt khách đạt doanh thu 243 triệu đồng, thu từ các hoạt động

khác đạt 48,5 triệu đồng. Các đơn vị nghệ thuật tiếp tục biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị, đối ngoại theo nhiệm vụ được giao và chỉ đạo của UBND Thành phố phục vụ đông đảo các tầng lớp Nhân dân. Các đơn vị nghệ thuật của Thành phố đã biểu diễn tổng cộng 244 buổi, trong đó 73 buổi phục vụ chính trị, 171 buổi diễn, doanh thu đạt 8 tỷ đồng.

Thông qua các phương thức phục vụ tại chỗ, cho mượn về nhà và qua không gian mạng, hệ thống thư viện Thành phố đã đáp ứng 475,4 nghìn lượt bạn đọc, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2025, tổng lượt tài liệu phục vụ đạt 980,2 nghìn lượt, tăng 13,6%. Công tác phát triển độc giả cũng duy trì kết quả khả quan với 1.812 thẻ được cấp mới và đổi thẻ, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh các dịch vụ đại chúng, công tác chuyên môn và số hóa tài liệu được triển khai đồng bộ. Các đơn vị đã tiến hành biên tập và cập nhật 470 bài trích báo, tạp chí, sách liên quan đến lịch sử, văn hóa Thủ đô vào cơ sở dữ liệu, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu thông tin, tra cứu và nghiên cứu chuyên sâu. Quá trình đa dạng hóa hình thức tiếp cận tài liệu tiếp tục được thực hiện thông qua việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu toàn văn đối với 4 tên sách quy mô 1.169 trang, đồng thời sản xuất sách nói hỗ trợ người khiếm thị gồm 4 tên sách tương đương 914 trang. Nhằm tiếp tục mở rộng không gian phục vụ, Thành phố đã tổ chức luân chuyển 4.600 bản sách xuống 27 điểm tiếp nhận sách luân chuyển trên địa bàn.

Hoạt động thể dục thể thao: Thể thao thành tích cao, Thành phố tiếp tục cử các đoàn đi tập huấn và tham dự các giải đấu trong nước và quốc tế. Hà Nội thực hiện tổng số 37 đợt đi tập huấn và thi đấu với 921 lượt người tham gia.

Trong tháng, thể thao thành tích cao của Thành phố đạt được tổng số 379 huy chương các loại, cụ thể: Trong nước giành tổng 337 huy chương, trong đó: 140 HCV, 107 HCB, 90 HCD; thi đấu quốc tế giành tổng số 42 Huy chương, trong đó: 19 HCV, 13 HCB, 10 HCD.

Một số thành tích nổi bật: Các Bộ môn đã thi đấu xuất sắc giành vị trí Nhất toàn đoàn, cụ thể: Cấp quốc gia, vô địch Wushu các CLB với 18 HCV, 10 HCB, 04 HCD; vô địch Vật Anh tài với 03 HCV, 05 HCB, 07 HCD. Cấp Quốc tế gồm vô địch Wushu Thái cực quyền thế giới với 06 HCV, 02 HCB, 03 HCD.

7. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

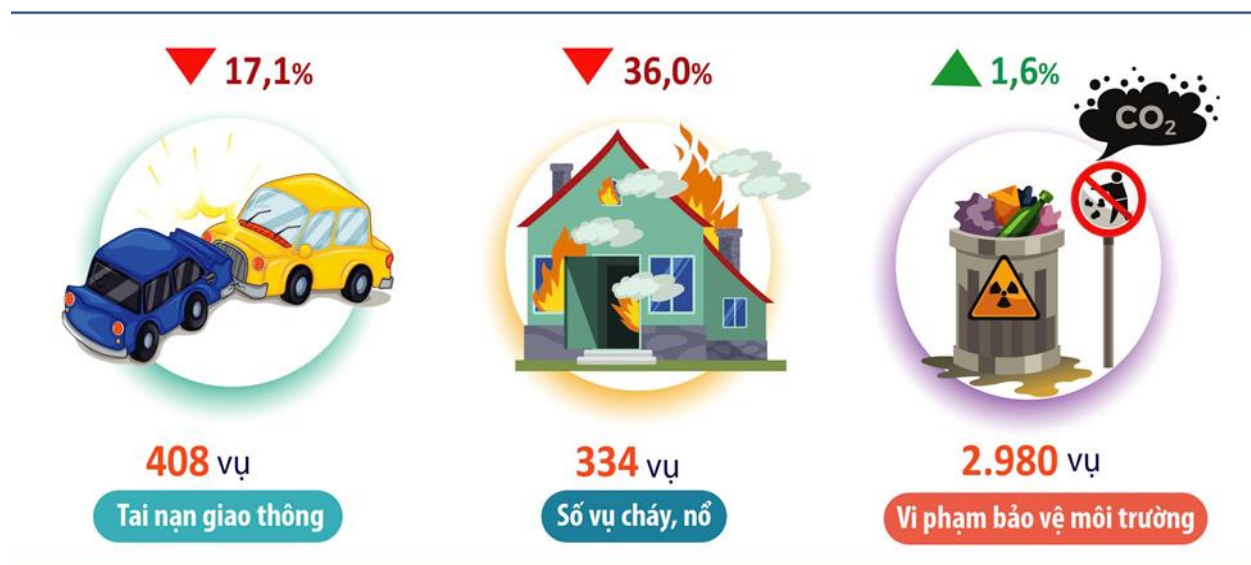
Theo số liệu tổng hợp từ Công an Thành phố, trong tháng Năm trên địa bàn Hà Nội đã phát hiện 330 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 256 đối tượng; phát hiện 267 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế với 341 đối tượng, thu ngân sách 5.390 triệu đồng; phát hiện 46 vụ cờ bạc, bắt giữ 208 đối tượng; triệt phá 339 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 749 đối tượng; số vụ xử lý hình

sự 330 vụ, bắt giữ 705 đối tượng. Cộng dồn 5 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố phát hiện 1.723 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 1.953 đối tượng; xử lý 1.794 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, bắt giữ 2.072 đối tượng, thu nộp ngân sách 142,2 tỷ đồng; bắt giữ 320 vụ cờ bạc với 1.334 đối tượng; triệt phá 1.748 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 3.656 đối tượng; số vụ xử lý hình sự 1.702 vụ, bắt giữ 3.364 đối tượng.

An toàn giao thông: Trong tháng Năm, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 82 vụ tai nạn giao thông làm 59 người chết và 47 người bị thương. Trong đó, xảy ra 81 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 59 người chết, 47 người bị thương và 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt không gây thiệt hại về người. Chia theo mức độ nghiêm trọng, có 02 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng làm 04 người chết; 56 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng làm 55 người chết và 18 người bị thương; 24 vụ tai nạn ít nghiêm trọng làm 29 người bị thương. Cộng dồn 5 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 408 vụ tai nạn giao thông, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm 2025; làm 277 người chết, tăng 0,4% và 220 người bị thương, giảm 34,1%.

Về phòng chống cháy nổ: Tháng Năm trên địa bàn Thành phố xảy ra 76 vụ cháy làm chết 02 người và 03 người bị thương, trong đó, có 73 vụ cháy cấp I, 01 vụ cháy cấp II và 02 vụ cháy cấp III, các cơ quan chức năng đang tiếp tục xác minh nguyên nhân và đánh giá thiệt hại về tài sản do các vụ cháy gây ra. Cộng dồn 5 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 334 vụ cháy, nổ giảm 36,0% so với cùng kỳ năm 2025; làm chết 05 người, giảm 58,3% và 08 người bị thương, tăng 33,3%.

Số vụ tai nạn giao thông, cháy nổ và vi phạm môi trường trên địa bàn Thành phố 5 tháng đầu năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025)



Bảo vệ môi trường: Trong tháng, phát hiện 386 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường; xử lý 386 vụ với 385 đối tượng; thu nộp ngân sách 2.410 triệu đồng. Cộng dồn 5 tháng năm 2026, ghi nhận 2.980 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường, xử lý 2.883 đối tượng, tăng 1,6% về số vụ và tăng 0,8% đối tượng so với cùng kỳ năm 2025; thu nộp ngân sách 19,5 tỷ đồng, tăng 56,8%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2026.

Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa XVI xem xét và biểu quyết thông qua tại Kỳ họp thứ nhất vào tháng 4/2026, không chỉ là một bước đi chiến lược nhằm kiến tạo mô hình phát triển mới mà còn là một dấu mốc quan trọng trong tư duy lập pháp: Chuyển từ "thực thi chính sách" sang "thiết kế chính sách". Đứng trước vận hội mới này, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội đã chủ động nghiên cứu và áp dụng các mô hình mới vào quy trình làm việc, góp phần minh chứng cho tinh thần "Hà Nội quyết, Hà Nội làm, Hà Nội chịu trách nhiệm". Trong những tháng cuối năm để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và nâng cao chất lượng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội trong các tháng tiếp theo, đề nghị tập trung triển khai một số nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1. Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát: Tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào và các mặt hàng thiết yếu; chủ động xây dựng kịch bản điều hành giá theo từng thời điểm. Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành trong quản lý thị trường; kiểm tra, giám sát việc niêm yết giá, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, găm hàng, thao túng giá.

Chủ động nguồn cung hàng hóa, nhất là lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng trong các giai đoạn cao điểm tiêu dùng; đẩy mạnh chương trình bình ổn thị trường. Điều hành linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ trên địa bàn nhằm hỗ trợ kiểm soát lạm phát nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu tăng trưởng.

2. Thúc đẩy sản xuất công nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp: Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là về vốn, chi phí đầu vào, thủ tục hành chính và tiếp cận đất đai. Đẩy mạnh kết nối cung – cầu, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất. Tăng cường dự báo thị trường, đơn hàng xuất khẩu để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất.

3. Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công và phát triển hạ tầng: Tiếp tục xác định giải ngân đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ thực hiện từng dự án. Tập trung tháo gỡ các

vướng mắc về thủ tục đầu tư, đặc biệt là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng sạch. Ưu tiên nguồn lực cho các dự án hạ tầng chiến lược, các công trình giao thông kết nối vùng, tạo động lực lan tỏa cho phát triển kinh tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

4. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch: Đẩy mạnh các chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa; phát triển hệ thống phân phối hiện đại gắn với thương mại điện tử. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng các hiệp định thương mại tự do. Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao; đa dạng hóa sản phẩm du lịch, đặc biệt là du lịch trải nghiệm, văn hóa và sự kiện. Nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện môi trường du lịch, đảm bảo an toàn, thân thiện đối với du khách.

5. Quản lý tài chính – ngân sách và tín dụng: Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu ngân sách; khai thác hiệu quả các nguồn thu, đặc biệt từ đất đai và khu vực ngoài nhà nước. Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên chi đầu tư phát triển và các lĩnh vực an sinh xã hội. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn. Kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng.

6. Phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo an sinh xã hội: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động, nhất là trong các ngành chịu ảnh hưởng của suy giảm đơn hàng. Tăng cường đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thị trường lao động.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; chăm lo đời sống người có công, đối tượng yếu thế. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, đảm bảo an toàn dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

7. Tăng cường cải cách hành chính, chuyển đổi số: Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công vụ. Xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn.

8. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội: Chủ động nắm chắc tình hình, không để phát sinh các điểm nóng về an ninh trật tự. Tăng cường phòng, chống tội phạm, đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy. Đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh mạng trong bối cảnh chuyển đổi số.

Việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhóm giải pháp nêu trên sẽ góp phần quan trọng duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng bền vững và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội năm 2026.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Thống kê một số tỉnh, TP;
- Đơn vị thuộc Thống kê HN;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Phạm Hoài Nam

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Ước tính 5 tháng năm 2026	5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	108,7
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	41790	158,7
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	2084981	112,9
4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	429116	113,0
5. Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát	Tỷ đồng	125463	121,1
6. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	Nghìn lượt người	4073	130,9
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn lượt người</i>	<i>2971</i>	<i>132,9</i>
7. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	8485	103,9
8. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	25767	140,9
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	-	104,79
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	363184	102,7
11. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	75316	168,9

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 20 tháng 5 năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
Nông nghiệp				
Trồng trọt				
Diện tích gieo trồng cây hàng năm				
Lúa vụ Đông xuân	Ha	79669	78493	98,5
Ngô	Ha	8171	7612	93,2
Khoai lang	Ha	1087	1089	100,2
Đậu tương	Ha	955	895	93,7
Lạc	Ha	1468	1503	102,4
Rau các loại	Ha	24771	23809	96,1
Đậu các loại	Ha	226	238	105,3
Chăn nuôi				
Trâu	Nghìn Con	28,2	26,8	95,0
Bò	Nghìn Con	116,5	109,8	94,2
Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ)	Nghìn Con	1258	1244	98,9
Gia cầm (Gà, vịt, ngan)	Nghìn Con	37117	37726	101,6
<i>Trong đó: gà</i>	<i>Nghìn Con</i>	<i>27956</i>	<i>28430</i>	<i>101,7</i>
Lâm nghiệp				
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	85	84	98,8
Sản lượng gỗ khai thác	M ³	8140	7734	95,0
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	Nghìn cây	378	358	94,7
Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	49595	51778	104,4
Thủy sản nuôi trồng	Tấn	49105	51283	104,4
Cá	Tấn	49101	51279	104,4
Thủy sản khác	Tấn	4	4	100,0
Thủy sản khai thác	Tấn	490	495	101,0

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: %

	Tháng 4 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 5 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	108,7	107,9	108,9	108,7
Khai khoáng	109,6	97,3	106,1	104,0
Khai khoáng khác	109,6	97,3	106,1	104,0
Công nghiệp chế biến, chế tạo	109,0	108,0	109,1	108,8
Sản xuất chế biến thực phẩm	106,2	94,5	108,5	106,5
Sản xuất đồ uống	108,3	97,9	107,2	112,5
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	105,6	101,0	102,4	101,3
Dệt	102,3	93,0	105,7	104,6
Sản xuất trang phục	105,3	101,8	107,8	102,3
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	104,7	136,1	105,6	101,5
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	103,2	101,9	103,9	102,9
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	104,5	103,3	102,4	112,0
In, sao chụp bản ghi các loại	106,4	120,0	111,0	101,5
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	107,2	103,3	107,8	107,6
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	105,3	113,4	105,0	107,4
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	109,5	102,8	108,9	117,0
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	112,7	102,3	110,3	109,5
Sản xuất kim loại	112,4	107,1	114,0	116,7
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	103,0	102,1	104,2	105,8
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	115,2	99,6	112,8	115,5
Sản xuất thiết bị điện	109,1	168,5	108,9	112,4
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	105,9	91,2	106,6	105,6
Sản xuất xe có động cơ	122,5	96,1	109,3	112,2
Sản xuất phương tiện vận tải khác	114,3	96,5	116,9	109,8
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	103,2	94,7	109,0	99,6
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	108,3	112,0	102,3	106,0
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	106,2	117,0	107,4	107,7

3. (Tiếp theo) Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Năm và 5 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tháng 4 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 5 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 5 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	106,9	108,5	108,4	107,7
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	106,9	108,5	108,4	107,7
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106,5	103,4	106,5	107,1
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	108,7	98,9	111,1	109,2
Thoát nước và xử lý nước thải	100,9	99,7	109,2	105,8
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	105,8	109,1	102,0	105,5

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Năm và 5 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 4	tháng 5	5 tháng	Tháng 5	5 tháng
		năm 2026	năm 2026	năm 2026	năm 2026	năm 2026
Đá xây dựng	Nghìn M ³	299	291	1382	106,1	104,0
Sữa và kem chưa cô đặc	Triệu Lít	14	13	68	79,6	82,2
Sữa và kem dạng bột	Tấn	318	330	1228	95,8	101,9
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	797	973	5718	81,6	95,7
Bia các loại	Triệu Lít	42	43	171	108,7	113,4
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	179	181	834	102,4	101,3
Quần áo người lớn (trừ sơ mi)	Nghìn cái	1076	1158	4693	138,7	120,6
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	Nghìn cái	2456	2488	11173	110,4	101,1
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	Nghìn cái	5627	5718	24365	100,0	101,4
Giày, dép	Nghìn đôi	296	400	1906	112,9	100,2
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	4578	4748	22639	105,9	102,7
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	Nghìn chiếc	4237	4266	26239	108,2	139,9
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	Triệu chiếc	62	63	314	102,5	119,9
Giấy và bìa nhãn	Tấn	6381	6786	32159	101,2	78,7
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	5831	6123	28904	102,3	112,8
Phân bón các loại	Nghìn tấn	30	31	149	141,9	111,1
Thuốc trừ sâu	Tấn	962	1129	4280	101,1	90,3
Thuốc kháng sinh dạng viên	Tỷ viên	42	56	209	160,2	103,8
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Tấn	9	14	55	116,6	98,4
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	193	197	981	102,0	121,9
Dung dịch đạm huyết thanh	Nghìn lít	4815	5070	23862	95,9	107,5
Cửa bằng plastic	Tấn	3305	3100	19980	118,8	164,5
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	3789	4015	20757	105,1	105,5
Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	Nghìn cái	206	228	1328	76,0	108,1
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	Nghìn M ³	369	341	1466	150,5	157,6
Ống không nối, mặt cắt hình tròn bằng thép	Tấn	5864	6150	30046	108,6	109,7
Cửa bằng sắt, thép	Nghìn M ²	68	72	347	96,5	106,9
Mạch điện tử tích hợp	Triệu cái	148	147	743	109,4	110,5

4. (Tiếp theo) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Năm và 5 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Ước tính 5 tháng năm 2026	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 5 năm 2026	5 tháng năm 2026
Máy copy - in	Nghìn cái	688	721	3609	133,1	144,6
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	Nghìn cái	155	110	814	103,9	107,5
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	3628	6895	18364	112,9	115,7
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Nghìn cái	31	33	144	78,1	85,9
Quạt công suất không quá 125W	Nghìn cái	285	242	938	108,9	94,3
Dụng cụ đun nước nóng	Nghìn cái	26	26	152	69,5	96,7
Xe có động cơ	Chiếc	450	346	2167	106,0	166,5
Thiết bị khác dùng cho động cơ	Nghìn cái	3086	3051	14607	100,7	98,9
Phụ tùng khác của xe có động cơ	Triệu Cái	79	90	345	122,7	101,5
Bộ phận của tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	Nghìn cái	13	16	55	150,0	112,1
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Nghìn chiếc	49	47	218	103,9	177,5
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Nghìn tấn	39	35	176	112,0	98,1
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Nghìn chiếc	58	58	239	152,0	109,8
Bàn bằng gỗ các loại	Nghìn chiếc	363	365	1838	94,1	93,5
Ghế có khung bằng kim loại	Nghìn chiếc	293	217	1048	68,1	88,9
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2270	2462	10847	108,4	107,6
Nước máy thương phẩm uống được	Triệu M ³	38	38	176	117,8	113,1

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	KH	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 5 năm 2026		5 tháng năm 2026	
					so với		so với	
					năm	cùng kỳ	Kế	cùng kỳ
2026	năm	tháng 5	5 tháng	tháng	năm	hoạch	năm	
		2026	2026	2026	trước	trước	trước	trước
TỔNG SỐ	126001	9537	11110	41790	116,5	173,8	33,2	158,7
Vốn ngân sách Nhà nước cấp thành phố	67292	5267	6344	23287	120,4	212,9	34,6	205,9
Vốn cân đối ngân sách thành phố	59645	4731	5720	20946	120,9	281,0	35,1	266,3
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>36494</i>	<i>2039</i>	<i>2417</i>	<i>9973</i>	<i>118,5</i>	<i>259,5</i>	<i>27,3</i>	<i>298,0</i>
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	5104	252	298	1192	118,4	47,3	23,3	54,3
Vốn nước ngoài (ODA)	2118	245	283	984	115,2	98,9	46,5	88,0
Xổ số kiến thiết	425	39	43	165	110,6	154,7	38,9	127,1
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	58709	4270	4766	18503	111,6	139,6	31,5	123,1
Vốn cân đối ngân sách xã	33091	2341	2593	10228	110,8	950,0	30,9	976,0
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>20763</i>	<i>1192</i>	<i>1303</i>	<i>5287</i>	<i>109,3</i>	<i>602,6</i>	<i>25,5</i>	<i>601,6</i>
Vốn TP hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	25618	1929	2173	8275	112,6	69,2	32,3	59,2

6. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Ước tính 5 tháng năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với		5 tháng năm 2026
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	424241	436000	2084981	102,8	115,8	112,9
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	35977	36500	173539	101,5	109,9	107,7
Ngoài Nhà nước	369137	380000	1817671	102,9	116,7	113,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	19127	19500	93771	102,0	109,6	107,6
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Thương nghiệp	351772	361600	1733283	102,8	116,2	113,4
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	11587	11850	56357	102,3	113,6	112,0
Du lịch lữ hành	3061	3200	14662	104,5	115,1	112,5
Dịch vụ khác	57821	59350	280679	102,6	113,8	110,7
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	86777	88990	429116	102,5	116,7	113,0
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	10546	10570	50851	100,2	110,2	109,9
Ngoài Nhà nước	72776	74900	361534	102,9	118,2	113,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	3455	3520	16731	101,9	106,9	108,5
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Bán lẻ hàng hóa	55525	56700	276505	102,1	117,3	113,9
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	11587	11850	56357	102,3	113,6	112,0
Du lịch lữ hành	3061	3200	14662	104,5	115,1	112,5
Dịch vụ khác	16604	17240	81592	103,8	117,5	110,7
<i>Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)</i>						
Nhà nước	12,1	11,9	11,9	-	-	-
Ngoài Nhà nước	83,9	84,2	84,2	-	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,0	3,9	3,9	-	-	-

7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	5 tháng năm 2026		Tháng 5 năm 2026 so với		5 tháng
			Tổng mức	Cơ cấu	tháng trước	cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
TỔNG SỐ	86777	88990	429116	100,0	102,5	116,7	113,0
Bán lẻ hàng hóa	55525	56700	276505	64,5	102,1	117,3	113,9
Lương thực, thực phẩm	11620	11925	59263	13,8	102,6	117,3	111,6
Hàng may mặc	3948	4020	18486	4,3	101,8	116,3	113,0
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	6599	6850	32311	7,5	103,8	117,0	113,6
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	813	830	4040	0,9	102,1	112,4	108,3
Gỗ và vật liệu xây dựng	1017	1040	5358	1,2	102,3	119,2	111,0
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	5913	6020	29093	6,8	101,8	119,8	113,0
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng)	1232	1275	6627	1,5	103,5	116,8	110,2
Xăng, dầu các loại	9732	9650	47183	11,0	99,2	114,9	115,9
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	702	690	3511	0,8	98,4	113,5	112,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	2052	2095	10319	2,4	102,1	122,3	133,9
Hàng hóa khác	10617	11000	54022	12,6	103,6	118,3	114,0
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1280	1305	6292	1,5	101,9	115,6	112,0
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	11587	11850	56357	13,1	102,3	113,6	112,0
Dịch vụ lưu trú	1245	1255	6140	1,4	101,7	118,9	120,9
Dịch vụ ăn uống	10342	10595	50217	11,7	104,4	108,4	108,6
Du lịch lữ hành	3061	3200	14662	3,4	104,5	115,1	112,5
Dịch vụ khác	16604	17240	81592	19,0	103,8	117,5	110,7

8. Kim ngạch xuất khẩu tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Triệu USD; %

	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Ước tính 5 tháng 5 tháng năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với		5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	1851	2015	8485	108,9	114,5	103,9
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>						
Khu vực kinh tế trong nước	999	1086	4567	108,8	104,2	94,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	852	929	3918	109,1	129,4	118,3
<i>Phân theo nhóm hàng</i>						
Hàng nông sản	140	142	691	101,7	98,4	100,4
<i>Trong đó: + Gạo</i>	31	32	162	103,5	82,3	67,0
+ Cà phê	53	54	278	101,7	141,4	136,5
Hàng may, dệt	169	170	844	100,7	87,9	93,3
Giày dép các loại và SP từ da	36	36	173	101,3	81,2	104,0
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	252	258	1258	102,1	117,6	118,6
Hàng gốm sứ	19	19	87	101,0	109,7	109,1
Xăng dầu	51	165	217	322,8	353,5	90,2
Máy móc thiết bị phụ tùng	280	281	1279	100,4	107,1	109,3
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	34	34	152	101,0	146,7	118,2
Phương tiện vận tải và phụ tùng	263	265	1124	100,8	111,6	104,7
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	62	62	298	100,8	58,8	76,7
Điện thoại và linh kiện	7	8	28	102,7	25,5	33,4
Hàng hoá khác	538	575	2334	106,9	131,8	106,9

9. Kim ngạch nhập khẩu tháng Năm và 5 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: Triệu USD; %</i>					
	Thực hiện tháng 4 năm 2026	Ước tính tháng 5 năm 2026	Ước tính 5 tháng năm 2026	Tháng 5 năm 2026		5 tháng
				so với		năm 2026
				tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
			trước	năm trước	năm trước	
TỔNG SỐ	5845	5830	25767	99,7	144,6	140,9
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	4756	4743	21442	99,7	143,8	142,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1089	1087	4325	99,8	148,2	134,4
Phân theo nhóm hàng						
Máy móc thiết bị, phụ tùng	1067	1062	4280	99,6	127,7	118,3
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	377	376	1581	99,8	131,0	128,7
Phương tiện vận tải và phụ tùng	656	654	2649	99,7	180,2	182,3
Hàng điện gia dụng và linh kiện	91	90	438	99,3	128,2	122,4
Xăng dầu	979	900	3158	91,9	316,1	191,3
Sắt thép	195	196	864	100,3	97,3	92,7
Chất dẻo	132	131	578	99,4	112,1	96,5
Thức ăn gia súc	52	52	265	99,7	63,1	85,8
Vải	99	98	430	99,1	107,0	102,2
Kim loại khác	178	172	748	96,8	117,6	100,7
Ngô	34	34	323	99,3	49,0	143,9
Sản phẩm chất dẻo	94	92	407	98,2	104,3	108,9
Sản phẩm hóa chất	102	102	423	99,7	132,9	117,0
Hàng hóa khác	1789	1871	9623	104,5	141,5	159,8

10. Vận chuyển hành khách tháng Năm và 5 tháng năm 2026

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 5 năm 2026		5 tháng
	tháng 4	tháng 5	5 tháng	so với (%)		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước (%)
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn người)	51796	51483	254157	99,4	122,8	123,7
Đường bộ	50292	50028	246883	99,5	122,1	123,1
Đường thủy nội địa	234	229	1109	97,9	118,9	113,8
Đường sắt	1270	1226	6165	96,5	162,9	160,9
Luân chuyển (Triệu người.km)	1453	1446	7169	99,5	118,3	119,6
Đường bộ	1440	1433	7106	99,6	118,0	119,4
Đường thủy nội địa	2	2	11	98,7	130,5	120,6
Đường sắt	11	11	52	105,7	165,0	160,4

11. Vận tải hàng hóa tháng Năm và 5 tháng năm 2026

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 5 năm 2026		5 tháng
	tháng 4	tháng 5	5 tháng	so với (%)		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước (%)
Vận chuyển (Nghìn tấn)	159689	160184	805737	100,3	105,9	107,8
Đường bộ	151468	151902	766414	100,3	105,1	107,3
Đường ven biển và viễn dương	7577	7636	36096	100,8	123,6	119,6
Đường thủy nội địa	448	449	2209	100,2	109,1	110,5
Đường sắt	196	197	1018	100,8	102,5	107,8
Luân chuyển (Triệu tấn.km)	17726	17754	85015	100,2	121,1	117,3
Đường bộ	4544	4554	22974	100,2	105,2	107,3
Đường ven biển và viễn dương	13114	13132	61702	100,1	127,9	121,6
Đường thủy nội địa	54	54	266	100,2	112,7	113,3
Đường sắt	14	14	73	100,8	103,4	108,2

12. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và Bưu chính chuyển phát tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 5 năm 2026		5 tháng
	tháng 4	tháng 5	5 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	25731	25841	125463	100,4	122,6	121,1
Vận chuyển hành khách	2932	2924	13810	99,7	135,1	130,1
Đường bộ	2891	2884	13617	99,8	134,8	130,0
Đường thủy nội địa	22	22	106	99,1	130,9	120,6
Đường sắt	19	18	87	94,9	191,6	179,6
Vận tải hàng hóa	11148	11167	52160	100,2	129,9	122,8
Đường bộ	6183	6195	29880	100,2	119,5	116,6
Đường ven biển và viễn dương	4857	4864	21748	100,1	146,5	132,8
Đường thủy nội địa	90	90	443	100,2	112,8	113,6
Đường sắt	18	18	89	100,7	119,1	117,9
Kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	10109	10205	51978	101,0	112,8	117,6
Bưu chính chuyển phát	1542	1545	7515	100,2	121,3	118,7

13. Khách du lịch tháng Năm và 5 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Nghìn lượt người; %

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 5 năm 2026		5 tháng
	tháng 4	tháng 5	5 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	822	805	4073	97,9	136,2	130,9
a. Khách nội địa	222	225	1102	100,9	121,6	126,0
Chia ra						
- Khách trong ngày	98	100	487	101,0	118,3	124,0
- Khách ngủ qua đêm	124	125	615	100,8	124,4	127,6
b. Khách quốc tế	600	580	2971	96,7	142,9	132,9
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	341	357	1628	104,6	148,9	144,6
- Khách quốc tế	55	57	278	103,1	201,8	208,2
- Khách trong nước	286	300	1349	104,9	141,8	136,0

14. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Năm và bình quân 5 tháng năm 2026

	Tháng 5 năm 2026 so với:				Đơn vị tính: %
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 5 năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 4 năm 2026	Bình quân
					5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,22	105,62	102,95	100,28	104,79
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,41	105,20	101,43	99,95	105,10
<i>Trong đó: Lương thực</i>	<i>109,30</i>	<i>102,60</i>	<i>101,63</i>	<i>99,40</i>	<i>102,21</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>106,73</i>	<i>104,43</i>	<i>100,18</i>	<i>99,96</i>	<i>104,96</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>108,45</i>	<i>108,21</i>	<i>104,74</i>	<i>100,15</i>	<i>106,54</i>
Đồ uống và thuốc lá	105,47	103,94	103,06	100,09	102,98
May mặc, mũ nón và giày dép	103,54	101,99	101,08	99,85	102,00
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	117,28	107,87	104,28	100,80	107,71
Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,58	103,50	102,46	100,17	102,89
Thuốc và dịch vụ y tế	105,47	100,50	100,44	100,05	100,31
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	<i>108,50</i>	<i>100,08</i>	<i>100,07</i>	<i>100,00</i>	<i>100,03</i>
Giao thông	107,07	113,32	111,08	100,57	106,58
Thông tin truyền thông	100,08	99,52	99,70	99,92	99,61
Giáo dục	126,17	104,59	100,22	100,00	104,56
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	<i>128,59</i>	<i>104,93</i>	<i>100,20</i>	<i>100,00</i>	<i>104,88</i>
Văn hoá, giải trí và du lịch	100,47	103,69	102,34	100,90	103,48
Hàng hóa và dịch vụ khác	105,32	102,98	101,86	99,99	102,92
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	217,18	136,72	106,63	95,95	170,80
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,04	100,93	99,89	100,06	102,17

15. Thu - Chi ngân sách Nhà nước 5 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>		
	Ước tính	5 tháng	5 tháng
	5 tháng	năm 2026	năm 2026
	năm	so với	so với cùng kỳ
	2026	dự toán	năm trước
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	363184	55,9	102,7
<i>Thu nội địa</i>	343848	56,4	101,4
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	44920	53,8	109,0
Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	22492	53,3	133,6
Thu từ khu vực CTN-DV ngoài Nhà nước	98177	68,9	138,9
Thuế thu nhập cá nhân	31552	45,4	109,7
Thuế bảo vệ môi trường	1149	31,9	98,5
Thu phí, lệ phí cân đối ngân sách	12682	42,3	134,1
Lệ phí trước bạ	3247	31,8	107,2
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	178	25,4	176,3
Thu tiền sử dụng đất	41923	50,6	65,6
Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	6340	42,3	58,8
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	45	0,6	2,6
Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	227	53,4	125,9
Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	35823	68,0	83,2
Thu khác ngân sách	5674	28,4	112,7
<i>Thu từ dầu thô</i>	1141	32,6	103,3
<i>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</i>	17948	49,0	133,6
<i>Thu viện trợ không hoàn lại</i>			
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TP giao)	75316	28,3	168,9
<i>Chi đầu tư phát triển</i>	43130	27,6	269,7
<i>Chi thường xuyên</i>	32035	39,9	112,2

16. Tín dụng ngân hàng

	<i>Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng; %</i>			
	Thực hiện đến 30/4/2026	Ước tính đến 31/5/2026	Ước đến 31/5/2026 so với 30/4/2026	Ước đến 31/5/2026 so với 31/12/2025
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	7198	7234	100,51	102,17
<i>Tiền gửi</i>	6355	6387	100,51	101,84
- Tiền gửi tiết kiệm	1939	1957	100,98	107,11
- Tiền gửi có kỳ hạn	3149	3160	100,35	102,99
- Tiền gửi thanh toán	1267	1270	100,20	92,27
<i>Phát hành giấy tờ có giá</i>	843	847	100,49	104,74
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	833	837	100,50	104,80
TỔNG DƯ NỢ	5898	5963	101,10	103,24
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	2290	2300	100,45	100,97
Dư nợ trung và dài hạn	3608	3663	101,51	104,71
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ bằng VND	5670	5733	101,11	103,03
Dư nợ bằng Ngoại tệ	228	230	100,95	108,64

17. Trật tự, an toàn xã hội tháng Năm và 5 tháng năm 2026

(Từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 đến ngày 14 tháng 5 năm 2026)

	Đơn vị tính	Tháng 4 năm 2026	Tháng 5 năm 2026	5 tháng năm 2026	Tháng 5 năm 2026 so với (%)		5 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
					tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Phạm pháp hình sự							
Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	342	330	1723	96,5	64,6	67,6
Số vụ phạm pháp do công an khám phá	Vụ	105	131	1058	124,8	45,0	71,1
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	183	256	1953	139,9	53,7	76,8
Số vụ phát hiện vi phạm pháp luật về kinh tế	Vụ	151	267	1794	176,8	254,3	136,1
Số đối tượng bị xử lý	Người	211	341	2072	161,6	258,3	137,3
Số tiền xử phạt	Triệu đồng	92110	5390	142165	5,9	40,7	99,9
Tệ nạn xã hội							
Số vụ cờ bạc	Vụ	44	46	320	104,5	920,0	183,9
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	246	208	1334	84,6	630,3	169,7
Số vụ vi phạm pháp luật về ma túy	Vụ	327	339	1748	103,7	227,5	149,7
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	750	749	3656	99,9	264,7	191,8
Số vụ xử lý hình sự	Vụ	324	330	1702	101,9	224,5	149,6
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	701	705	3364	100,6	280,9	196,5
Tai nạn giao thông							
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	82	82	408	100,0	88,2	82,9
Đường bộ	"	79	81	400	102,5	88,0	82,6
Đường sắt	"	3	1	8	33,3	100,0	100,0
Số người chết	Người	54	59	277	109,3	128,3	100,4
Đường bộ	"	50	59	270	118,0	131,1	100,4
Đường sắt	"	4	-	7	-	-	100,0
Số người bị thương	"	54	47	220	87,0	62,7	65,9
Đường bộ	"	49	47	213	95,9	62,7	64,0
Đường sắt	"	5	-	7	-	-	700,0
Cháy, nổ							
Số vụ cháy, nổ	Vụ	59	76	334	128,8	87,4	64,0
Số người chết	Người	-	2	5	-	66,7	41,7
Số người bị thương	Người	-	3	8	-	300,0	133,3
Vi phạm môi trường							
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	223	386	2980	173,1	67,7	101,6
Số vụ đã xử lý	Vụ	215	386	2883	179,5	68,9	100,8
Số đối tượng bị xử lý	Người	216	385	2897	178,2	68,6	101,0
Số tiền xử phạt	Triệu đồng	1970	2410	19518	122,3	121,9	156,8